

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG



HALCOM

**Địa chỉ: Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa,
thành phố Hà Nội**

Điện thoại: 043 5624709/10

Fax: 043 5624711

Website: www.halcom.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

Hà Nội, tháng 5 năm 2017

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần đầu tư và tư vấn hà long
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101143879
- Vốn điều lệ: 316.066.210.000 đồng (Ba trăm mười sáu tỷ không trăm sáu mươi sáu triệu hai trăm mười nghìn đồng)
- Địa chỉ: Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
- Số điện thoại: 043 5624711
- Website: www.halcom.vn
- Mã cổ phiếu: HID

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1. Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân của Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long (HALCOM) là Công ty TNHH Nước và Môi trường Đường Thành (W&E Ltd) được thành lập ngày 02/07/2001. Công ty hoạt động trong lĩnh vực chính là Tư vấn cấp thoát nước và môi trường – xã hội.

Năm 2002, Công ty bắt đầu tham gia dự án vay vốn Ngân hàng thế giới (WB). Năm 2003, lần đầu tiên Công ty hợp tác quốc tế với công ty Soil and Water (Phần Lan) và chuyên gia tư vấn độc lập Douglas Martin (Úc) ký 2 hợp đồng lập Kế hoạch hành động tái định cư (RAP) và Báo cáo đánh giá tác động môi trường (EIA) cho bốn thành phố: Hải Phòng, Nam Định, Cần Thơ và Hồ Chí Minh thuộc dự án VUUP vay vốn WB. Chính từ 2 hợp đồng này, Công ty đã thể hiện được năng lực và thái độ nghiêm túc với 4 Ban quản lý ở 4 tỉnh, thành trên và mở rộng hoạt động, ký kết thêm nhiều hợp đồng tư vấn khác cho cả 4 BQL này, đó là các hợp đồng về giám sát xây dựng, hợp đồng lập báo cáo khả thi và thiết kế chi tiết nâng cấp hạ tầng các khu đô thị, hợp đồng giám sát RAP/EIA v.v...

Năm 2004, Công ty đổi tên thành Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng Thăng Long (Infra-TL)

Năm 2006, Công ty liên danh với Công ty Carlbro (Đan Mạch) và thắng gói thầu quản lý và giám sát cho Dự án thoát nước 1B, giai đoạn 2, thành phố Hải Phòng. Ngân sách dành cho gói thầu 2 triệu USD là vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Phần Lan thông qua WB.

Cũng trong năm 2006, lần đầu tiên Công ty đứng đầu liên doanh bao gồm Hannu Vikman Consulting (Phần Lan), PricewaterhouseCoopers (Bỉ), Mediconsult và Công

ty tư vấn giao thông đô thị Hải Phòng (HP-TCCIC) thắng thầu gói thầu quốc tế do Đại sứ quán Phần Lan tại Việt Nam tuyển chọn. Đó là hợp đồng tư vấn cho Chương trình tín dụng ưu đãi Việt nam do Chính phủ Phần Lan tài trợ.

Năm 2007, cùng với công ty Angkasa của Malaysia, Công ty tham gia thắng thầu Lập báo cáo khả thi và thiết kế chi tiết nâng cấp đô thị lưu vực ngoài Tân hóa – Lò Gốm, dự án thành phần 5&6, thuộc dự án Nâng cấp đô thị thành phố Hồ Chí Minh, vay vốn WB.

Ngày 02/07/2007, đề phù hợp với tiến trình phát triển và định hướng kinh doanh, Công ty đã chuyển đổi thành công ty cổ phần và đổi tên thành Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Thăng Long (Infra – Thanglong) với vốn điều lệ là 7 tỷ đồng, sau tăng lên 11 tỷ đồng rồi 25 tỷ đồng.

Năm 2009, Công ty bắt đầu mở rộng hoạt động sang lĩnh vực Đầu tư Nước. Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành được thành lập với vốn điều lệ ban đầu là 22 tỷ đồng, sau tăng lên 44 tỷ đồng, trong đó Công ty sở hữu 90%. Dự án Nước Thuận Thành chính thức được khởi công xây dựng vào năm 2009, và chính thức cung cấp nước sạch cho thị trấn Hồ, các xã lân cận và khu công nghiệp thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh từ tháng 11/2011. Nhà máy nước Thuận Thành được đầu tư xây dựng theo hình thức BOO. Công suất giai đoạn I đến 2015 là 5.500m³/ngày đêm. Hiện Công ty đang tiếp tục đầu tư để mở rộng cấp nước cho các xã Gia Đông, Nguyệt Đức, Song Liễu, Ngũ Thái, huyện Thuận Thành (Bắc Ninh) ... với kế hoạch nâng công suất lên 12000m³/ngày đêm, hoàn thành tháng 8/2016.

Ngày 07/10/2013, Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư Vấn Hà Long (HALCOM) với mục đích tái cơ cấu tổ chức, nhấn mạnh vào 2 ngành nghề kinh doanh là Tư vấn và Đầu tư, phù hợp hơn với chiến lược kinh doanh của Công ty. Công ty cũng bắt đầu thực hiện Chương trình tuân thủ gọi tắt là CCP, ký với Ngân hàng thế giới. Công ty tăng vốn điều lệ lên 35 tỷ đồng.

Trong giai đoạn 2013-2014, Công ty hoàn thành việc nâng vốn điều lệ từ 35 tỷ đồng lên 60 tỷ đồng.

Năm 2015, để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã nâng tổng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng để triển khai các dự án sau: Giai đoạn 2 Nhà máy nước Thuận Thành, Bắc Ninh, Nhà máy nước Hưng Long, Hưng Yên, dự án sản xuất gạch Lương Sơn, Hòa Bình. Ngoài ra Công ty còn góp vốn đầu tư vào các công ty khác để thực hiện các dự án BOT về giao thông và xử lý nước thải tại Cần Thơ, đang tiếp tục phát triển dự án BOT nước thải Uông Bí, Quảng Ninh v.v...

Ngày 11/07/2016, tại sở giao dịch chứng khoán thành phố hồ chí minh, toàn bộ 30.000.000 cổ phiếu của công ty cổ phần đầu tư và tư vấn hà long (HALCOM), mã

chứng khoán HID chính thức niêm yết và giao dịch phiên đầu tiên tại sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).

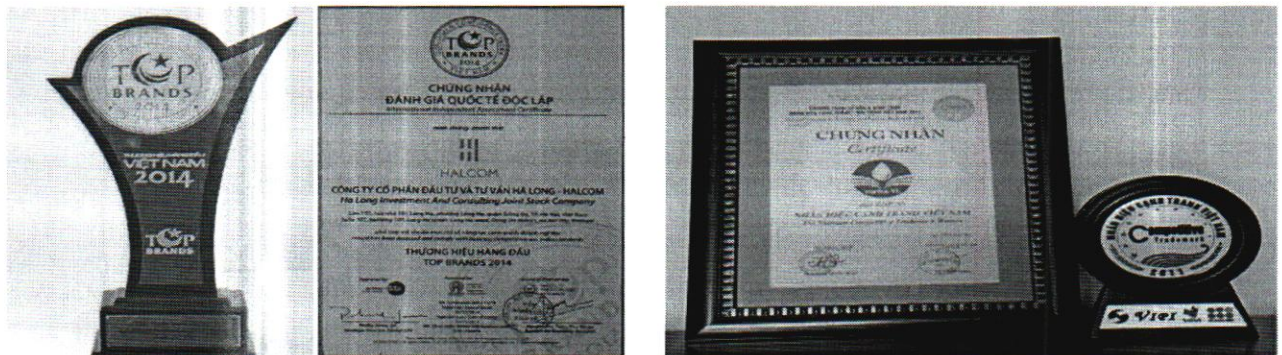
Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm thường niên năm 2016 của Công ty mẹ, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ bằng hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức 2015 cho cổ đông hiện hữu. Công ty mẹ đã hoàn thành thủ tục phát hành cổ phiếu và thay đổi đăng ký kinh doanh tăng vốn điều lệ của Công ty vào ngày 18 tháng 11 năm 2016. Số vốn điều lệ của Công ty mẹ tăng thêm 16.066.210.000

Theo Nghị quyết số 09/2016/NQ-HĐQT/HALCOM ngày 26/12/2016, Hội đồng quản trị đã thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ số vốn đầu tư tại Công ty Hòa Long. Công ty mẹ đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng toàn bộ cổ phần ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Ngày 02/04/2017, Hội đồng quản trị đã ra quyết định giải tán Trung tâm Nước (HAL-Water) để thành lập công ty thành viên với tên gọi HALENCO để thực hiện tư vấn và thi công các dự án Nước và Môi trường từ tháng 4 năm 2017.

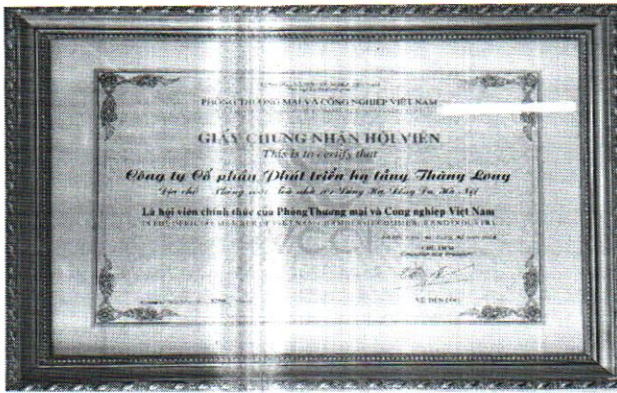
2.2. Các sự kiện khác:

Với những thành tựu đã đạt được trong suốt nhiều năm hình thành và phát triển, Công ty đã vinh dự được nhận nhiều giải thưởng:



Giải thưởng Thương hiệu hàng đầu Việt Nam-Top Brands 2014 do Viện Nghiên cứu Kinh tế (Việt Nam), Liên minh Thương mại Global GTA-Global Trade Alliance (vương quốc Anh) phối hợp xét duyệt và trao tặng.

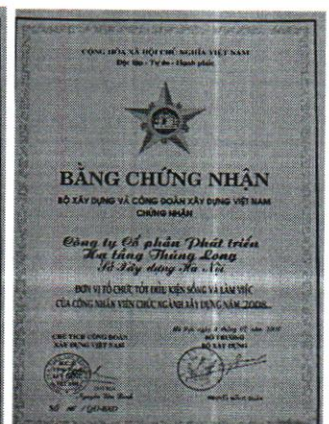
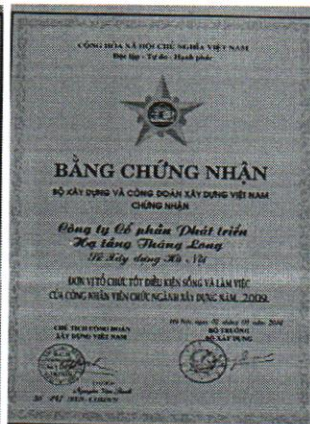
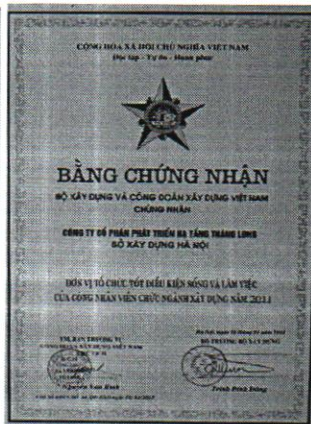
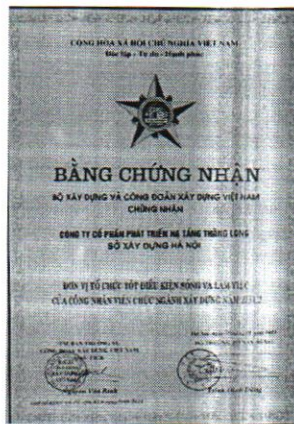
Danh hiệu Top 100 thương hiệu tiêu biểu ngành xây dựng năm 2011 do Báo Xây dựng Danh hiệu Top 50 nhãn hiệu cạnh tranh Việt Nam Hội sở hữu trí tuệ Việt Nam đánh giá và bình chọn năm 2011



Thành viên chính thức của Phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam (VCCI) năm 2008



Một trong 50 doanh nghiệp tiêu biểu năm 2006 do Báo Thanh Niên bình chọn cùng với hai tổ chức nhân sự quốc tế là Tập đoàn NAVIGOS và ACNIELSEN



Năm 2013, danh hiệu Tổ chức tốt điều kiện sống làm việc cho người lao động 3 năm liền do Bộ trưởng Bộ Xây dựng trao tặng.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Tư vấn Cơ sở hạ tầng:

- + Khảo sát, quy hoạch, thiết kế, quản lý dự án và giám sát thi công các công trình hạ tầng đô thị và nông thôn.
- + Lập báo cáo và giám sát thực hiện các chính sách an toàn về môi trường và xã hội.
- + Truyền thông, tăng cường năng lực và nâng cao nhận thức cộng đồng.

- Đầu tư

+ Dự án cấp nước

+ Sản xuất vật liệu xây dựng

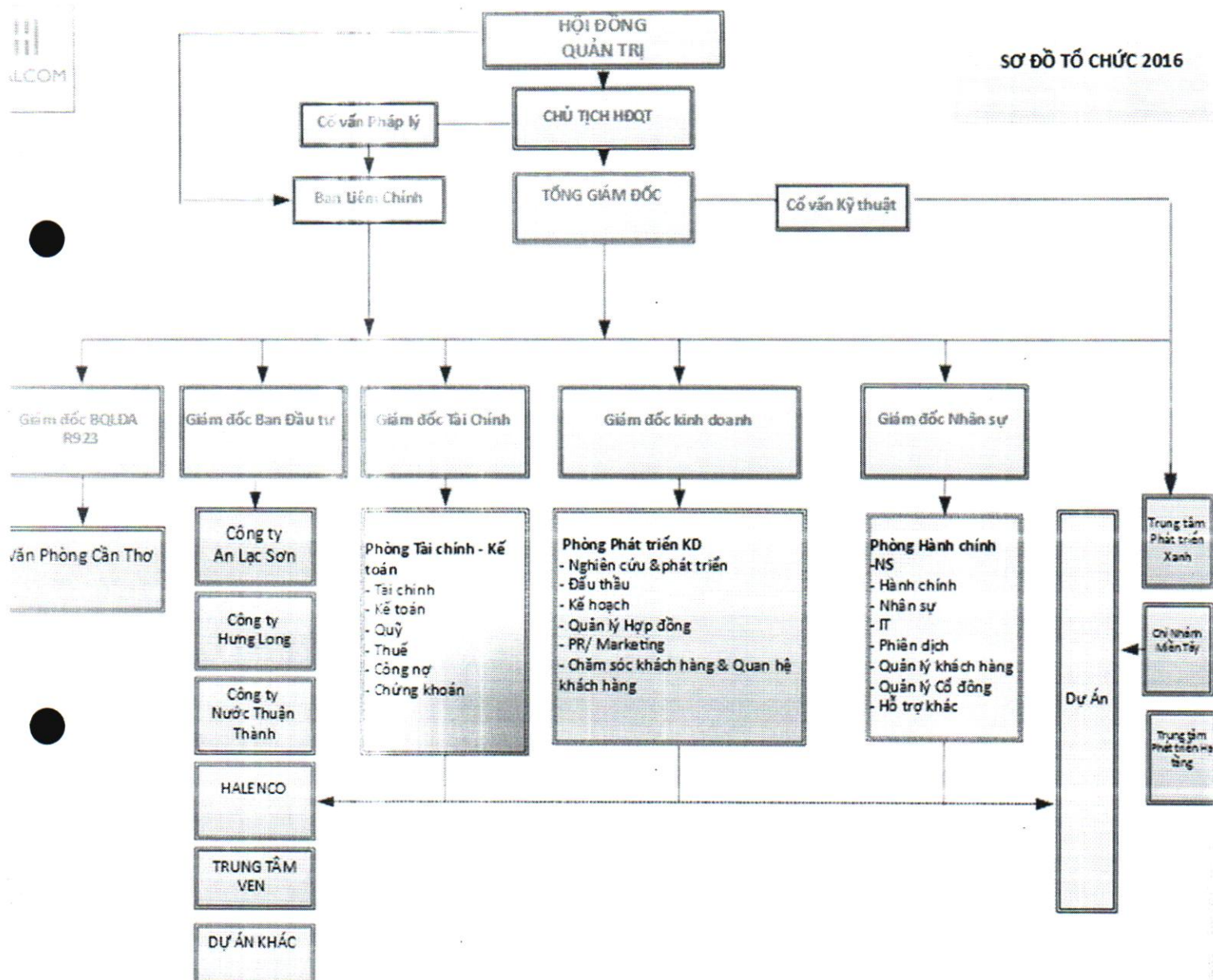
- Bán hàng và xây dựng

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị:

Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty Cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông; Ban Kiểm soát; Hội đồng quản trị; Ban điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý



Sơ đồ: Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Hà Long

4.3. Các công ty con, công ty liên kết

- Các công ty con:

Tên công ty	Giấy phép ĐKKD	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ	Vốn góp của HALCOM	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp cam kết
Công ty cổ phần Nước Thuận Thành	2300307123	Khai thác, xử lý và cung cấp nước, thoát nước; cho thuê xe; xây dựng; xây dựng công trình công ích, dân dụng.	44 tỷ đồng	40 tỷ đồng	90,9%	90,9%
Công ty cổ phần Hòa Long	5400351481	Khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng: gạch tuynel, cát, đá; Vận tải hàng hóa, Tư vấn đầu tư, Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.	10 tỷ đồng	9,3 tỷ đồng	93%	93%

- Các công ty liên kết:

Không có

5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Từ 2016-2020, HALCOM đặt mục tiêu tăng trưởng bình quân doanh thu 30% năm và lợi nhuận trước thuế đạt 10-15% doanh thu. Trong lĩnh vực tư vấn, HALCOM đặt mục tiêu đứng trong top 5 doanh nghiệp tư vấn ODA lớn nhất Việt Nam. Để thực hiện mục tiêu này, HALCOM đã làm việc với các đối tác có uy tín để xây dựng chiến lược kinh doanh hoàn chỉnh vào tháng 8/2015. Trong đó, HALCOM tập trung các kế hoạch hành động như sau:

Một là, tích cực tham gia M&A một số thương hiệu nhà nước mạnh trong lĩnh vực tư vấn mà nhà nước đang có chủ trương thoái vốn. Những công ty HALCOM nhắm đến là những công ty có lịch sử hình thành và phát triển đã tham gia tư vấn những dự án có quy mô siêu lớn trong lĩnh vực cấp nước, xử lý nước thải, thủy điện, khu đô thị, giao thông. Với năng lực đấu thầu mạnh các dự án ODA cộng với việc sở hữu những thương hiệu lớn có uy tín là lợi thế rất lớn để HALCOM thắng thầu những gói thầu lớn trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng tại Việt Nam và các nước trong khu vực.

Hai là, nhận thức được xu thế của lĩnh vực ODA là ngày càng minh bạch và đề cao tính hiệu quả, HALCOM đã tiên phong trong việc áp dụng chương trình tuân thủ doanh nghiệp (CCP) theo tiêu chuẩn của Ngân hàng Thế giới, hoàn chỉnh quy trình đào tạo cán bộ, chuyên gia, quy trình đấu thầu, quản lý hợp đồng, quản lý tài chính dự án và kiểm toán dự án theo tiêu chuẩn Ngân hàng Thế giới. Bên cạnh đó, HALCOM đã làm việc và mời chuyên gia pháp lý của ngân hàng thế giới cộng tác với công ty trong vai trò Cố vấn pháp lý. Đây là bước đi quan trọng giúp nâng tầm công ty, xây dựng thương hiệu gắn với chất lượng, rút ngắn khoảng cách với các công ty tư vấn quốc tế.

Ba là, công ty tập trung xây dựng thương hiệu HALCOM gắn với chất lượng. Để làm điều này, HALCOM đã áp dụng quy trình tuyển dụng nhân sự theo tiêu chuẩn Ngân hàng thế giới (CCP) để tuyển chọn nhân sự, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý dự án có trình độ cao, hầu hết được đào tạo tại nước ngoài. Xây dựng đội ngũ chuyên gia, cộng tác viên có kinh nghiệm đến từ nhiều quốc gia và được kiểm tra, sát hạch kỹ lưỡng. HALCOM đã ban hành và áp dụng quy trình quản lý hợp đồng theo tiêu chuẩn ngân hàng thế giới, đảm bảo các sản phẩm báo cáo được kiểm duyệt và rà soát chất lượng một cách chặt chẽ trước khi nộp cho Chủ đầu tư đúng hạn. Bên cạnh đó, để tăng tính minh bạch và tăng cường khả năng quản trị doanh nghiệp, HALCOM đang làm việc để mời ngài Hannu Vikman – Giám đốc kỹ thuật Chương trình dự án nước Phần Lan vào Hội đồng quản trị. Cụ thể, bà Jacqueline M.Beckett – Luật sư người Mỹ vào vị trí cố vấn tuân thủ và pháp lý, Ông Olli Keski Saari – Giám đốc dự án Công ty Econet, công ty hàng đầu về lĩnh vực cung cấp nước tại Phần Lan vào vị trí Cố vấn kỹ thuật.

Bốn là, HALCOM tiếp tục tập trung vào phân khúc khách hàng chính khách là khách hàng khối ODA song phương (Hàn Quốc, Nhật Bản, Phần Lan, EU, Mỹ). Nâng cao năng lực đấu thầu bằng cách phát triển thương hiệu gắn chất lượng và minh bạch, đồng thời phát triển năng lực của đội ngũ chuyên gia trong và ngoài nước. Trong thời gian tới, với xu thế xã hội hóa mạnh trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng tại Việt Nam, HALCOM sẽ tìm hiểu và mở rộng có chọn lọc mạng lưới khách hàng sang khối tư nhân, gồm FDI và trong nước để mở rộng thị trường.

Trong lĩnh vực đầu tư, HALCOM tập trung chủ yếu các dự án cấp nước. HALCOM tập trung phát triển mạnh các nhà máy cấp nước có quy mô trên 15.000m³/ngày dọc theo trục Hà Nội – Hưng Yên – Bắc Ninh – Hải Dương – Hải Phòng – Quảng Ninh, để đón đầu sự phát triển của các khu công nghiệp trên địa bàn và các khu đô thị. HALCOM đặt mục tiêu đến năm 2020, tổng công suất cấp nước đạt 200.000m³/ngày đêm. Để chuẩn bị nguồn lực cho phát triển dự án, HALCOM dự kiến

thu hút nguồn vốn tài chính từ nhiều nguồn: Hợp tác đầu tư cùng các nhà đầu tư nước ngoài (Samsung, CMIT-Hàn Quốc, Econet-Phân Lan), các quỹ đầu tư trong nước, các công ty cung cấp thiết bị nước ngoài (Nagaoka-Nhật Bản), và tham gia các thị trường tài chính trong nước và quốc tế. Tận dụng lợi thế 15 năm trong lĩnh vực tư vấn ODA, đặc biệt lĩnh vực cấp nước, HALCOM đã tuyển dụng nhiều chuyên gia giỏi trong dự án lớn như dự án Chương trình nước Phân Lan, dự án phát triển toàn diện kinh tế Việt Trì, Hưng Yên, Lạng Sơn để làm việc trong các nhà máy cấp nước của Công ty. Quy trình quản lý về thất thoát nước cũng được xây dựng và áp dụng đồng nhất trong các nhà máy nước của HALCOM đảm bảo tỷ lệ thất thoát nước dưới 12%.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Bên cạnh việc tự xây dựng các nhà máy, HALCOM đang tích cực đàm phán mua lại cổ phần của các nhà máy cấp nước mà Nhà nước đang có chủ trương thoái vốn để tiến hành tái cơ cấu, đầu tư thêm máy móc tiên tiến để gia tăng công suất và vận hành hiệu quả.

Đầu tư tài chính dài hạn và ngắn hạn để sử dụng có hiệu quả nguồn vốn lợi nhuận hàng năm để lại và các nguồn khác, tạo niềm tin và đem lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông.

5.3. Các mục tiêu phát triển bền vững môi trường, xã hội và cộng đồng của công ty:

Tiếp tục duy trì mảng đầu tư của HALCOM tập trung vào các dự án cơ sở hạ tầng, đặc biệt cung cấp nước, xử lý nước thải.

Tiếp tục đầu tư cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, tham gia các chương trình từ thiện, giáo dục...khẳng định trách nhiệm với cộng đồng góp phần hướng tới sự phát triển bền vững của xã hội.

6. Các rủi ro

6.1. Quản lý rủi ro tỷ giá

HALCOM hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực đầu tư và tư vấn cơ sở hạ tầng tại Việt Nam, ký hợp đồng chủ yếu bằng tiền USD nên vấn đề rủi ro tỷ giá hối đoái được Công ty lưu ý phân tích và chủ động có biện pháp đối phó với những biến động tỷ giá hối đoái có thể xảy ra trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

6.2. Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng:

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tập đoàn theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng giám đốc Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không suy giảm.

6.3. Quản lý rủi ro về pháp luật

Để kiểm soát rủi ro về mặt pháp luật, Công ty luôn luôn cập nhật những thay đổi trong môi trường luật pháp liên quan đến hoạt động của Công ty, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp.

6.4. Quản lý rủi ro thanh khoản

Thông tư số 36/2014/TT-NHNN ban hành ngày 20/11/2014 có hiệu lực ngày 01/02/2015 đã có những tác động trực tiếp và gián tiếp đối với thị trường chứng khoán. Điều 14 thông tư 36 quy định, tín dụng cho vay đầu tư cổ phiếu không được vượt quá 5% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng (giảm từ mức 20%) và các tổ chức tín dụng chỉ được cho vay đầu tư chứng khoán khi đáp ứng được đầy đủ tỷ lệ an toàn hoạt động và tỷ lệ nợ xấu dưới 3%. Những quy định mới này đã ảnh hưởng đến nguồn cung tiền của thị trường chứng khoán, hoạt động giao dịch ký quỹ của các Công ty chứng khoán, tâm lý nhà đầu tư lo ngại, dẫn đến thị trường mất thanh khoản ảnh hưởng tới toàn mã chứng khoán đang giao dịch và các công ty chuẩn bị niêm yết lên sàn.

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

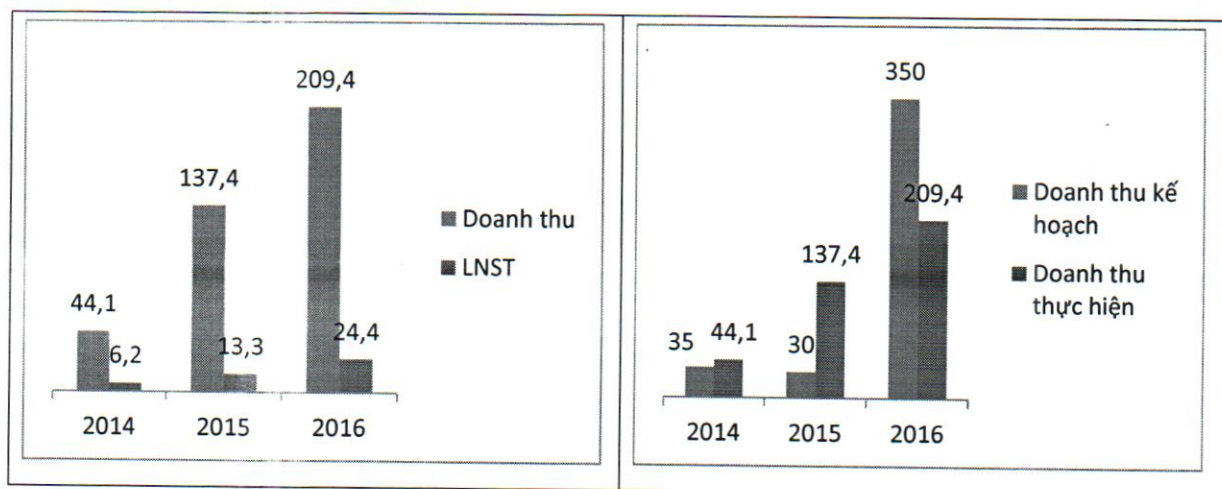
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	2015	2016	Tăng/Giảm
1. Tổng tài sản	432.088.674.418	460.552.974.273	6,59%
2. Tổng nguồn vốn chủ sở hữu	330.760.706.254	361.290.143.441	9,23%
3. Doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	165.178.082.357	281.440.560.556	70,39%
3.1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	27.350.073.909	19.469.683.054	-28,81%
3.2. Doanh thu kinh doanh nước sinh hoạt	2.841.485.801	3.200.690.957	12,64%
3.3. Doanh thu bán vật tư	134.986.522.647	258.770.186.545	91,70%
4. Lợi nhuận sau thuế	18.168.571.607	31.281.549.033	72,17%
5. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu	11%	11,11%	
6. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng vốn chủ sở hữu	5,49%	8,66%	

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch (Báo cáo tài chính công ty mẹ năm 2016)



Phân tích số liệu chung:

Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn được xác định theo tỷ lệ hoàn thành dịch vụ, đã phát hành hóa đơn, được khách hàng chấp nhận thanh toán và tiền đã chuyển về tài khoản công ty. Tổng doanh thu năm 2016 của công ty mẹ HALCOM là 209,4 tỷ đồng, tăng 52,4% so với năm 2015. Lợi nhuận sau thuế là 24,4 tỷ đồng, tăng 83,46% so với năm 2015.

Năm 2016, hầu hết các hợp đồng dịch vụ tư vấn đã kết thúc chỉ còn 1 số hợp đồng dài hạn đang triển khai tiếp tục nên doanh thu tư vấn có phần suy giảm nhưng bù lại các hoạt động kinh doanh thương mại và hoạt động đầu tư đã mang lại nguồn thu tương đối tốt.

Trong bối cảnh nền kinh tế vẫn đang trong giai đoạn phục hồi chậm và các doanh nghiệp phải đương đầu với nhiều khó khăn, việc đạt được các chỉ tiêu trên thực sự rất ấn tượng, phản ánh nỗ lực chung của toàn thể Ban Lãnh đạo và cán bộ, nhân viên trong toàn HALCOM.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách ban điều hành

1. Ông Nguyễn Quang Huân – Tổng Giám đốc
2. Ông Nguyễn Việt Dũng – Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 13/06/2016)
3. Ông Bùi Xuân Hồi – Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 02/02/2017)
4. Ông Lê Thành Đồng – Kế toán trưởng

❖ Nguyễn Quang Huân – Tổng Giám đốc

Họ tên	NGUYỄN QUANG HUÂN
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	20/12/1964
Nơi sinh	Thái Bình
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Số 1, ngách 6/14 phố Đội Nhân, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
CMND	034 064 0000 29 cấp ngày 29/08/2013 tại Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và QLQG
Điện thoại liên hệ	04 35624709
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Quản trị kinh doanh, Chứng chỉ sau đại học về Quản lý ngành nước và Môi trường, Kỹ sư chế tạo máy
Chức vụ hiện nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Ủy viên Ban Thường Vụ, Phó Chủ tịch Hội Doanh nhân tư nhân Việt Nam (VPBA)

Quá trình công tác

- 10/2013 đến nay *Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Hà Long, đổi tên từ Công ty Infra – Thăng Long*
- 6/2013 - 9/2013 *Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Công ty CP Phát triển Hạ tầng Thăng Long (Infra – ThăngLong)*
- 7/2007 - 5/2013 *Tổng Giám đốc Công ty CP Phát triển Hạ tầng Thăng Long*
- 8/2004 - 6/2007 *Giám đốc Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng Thăng Long (Infra-TL), đổi tên từ W&E Ltd*
- 7/2001 - 7/2004 *Phó Giám đốc Công ty TNHH Nước và Môi trường Đường Thành (W&E Ltd)*
- 4/2000 - 6/2001 *Chuyên gia tư vấn – Công ty CP Nước và Môi trường Việt Nam (VIWASE)*
- 7/1988 - 4/2000 *Điều phối viên, trưởng nhóm thiết kế một số dự án cấp nước/Kỹ sư cơ khí – Công ty Cấp nước Hải Phòng*
- 1/1988 - 6/1988 *Kỹ sư cơ khí – Nhà máy cơ khí Việt Đức, Hải Phòng, Việt Nam*

Hành vi vi phạm pháp luật Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ

Trong đó:

- *Sở hữu cá nhân* 4.651.591 cổ phiếu, chiếm 14,72%
- *Được ủy quyền đại diện* 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan 839.705 cổ phiếu, chiếm 2,66% vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với Công ty Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty Phụ cấp dành cho Chủ tịch HĐQT

Lợi ích liên quan đối với Không
Công ty

❖ **Nguyễn Việt Dũng – Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 13/06/2016)**

Họ tên	NGUYỄN VIỆT DŨNG
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	01/06/1971
Nơi sinh	Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	P102 A9 TT Kim Giang, Thanh Xuân HN
CMND	012055850, cấp ngày 12/10/2008 tại CA Hà Nội
Điện thoại	04 35624709
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ QTKD
Chức vụ hiện nay	Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Phó Chủ tịch HĐQT công ty CP Nước Thuận Thành
- 05/2014 đến 6/2016	<i>Phó Tổng Giám đốc - Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Hà Long (HALCOM)</i>
- 05/2013 - 04/2014	<i>Trợ lý Tổng Giám đốc- Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Hà Long (HALCOM)</i>
- 2011 – 2013	<i>Trưởng phòng kế hoạch - Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Hà Long (HALCOM)</i>
- 06/2010 -2011	<i>Giám đốc Trung tâm Đào tạo và tăng cường năng lực – Công ty CP Phát triển Hạ tầng Thăng Long (Infra-Thanglong)</i>
- 08/2003–05/2010	<i>Cán bộ Chương trình cao cấp – Plan Việt Nam</i>
- 1997 – 07/2003	<i>Cán bộ Chương trình- Ủy ban Bảo vệ và Chăm sóc Trẻ em</i>

Hành vi vi phạm pháp luật Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ 13.458 cổ phiếu, chiếm 0,04% vốn điều lệ

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân 13.458 cổ phiếu, chiếm 0.04% vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan Không

Các khoản nợ đối với Công ty Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty

Lợi ích liên quan đối với Công ty Không

❖ Ông Bùi Xuân Hài – Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 02/02/2017)

Họ tên	BÙI XUÂN HÀI
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	16/02/1975
Nơi sinh	Thái Bình
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Số 2-A7, TT Điện lực, 51, Nguyễn Khoái, Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội
CMND	011952478 cấp ngày 12/12/2012
Điện thoại liên hệ	04 35624709
Trình độ chuyên môn	Phó Giáo sư Kinh tế
Chức vụ hiện nay	Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	

- 2/2017 đến nay Phó Tổng Giám đốc – Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Hà Long (HALCOM)
- 11/2011-7/2016 Giảng viên Kinh tế năng lượng - Viện Kinh tế và Quản lý
- 10/2004 – 11/2011 Giảng viên Khoa Kinh tế và Quản lý - Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội
- 2/2004 - 9/2004 Giảng viên Trường Cao đẳng Điện Lực

Hành vi vi phạm pháp luật Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Số cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan Không

Các khoản nợ đối với Công ty Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty

Lợi ích liên quan đối với Công ty Không

❖ Ông Lê Thành Đồng – Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Tài chính

Họ tên LÊ THÀNH ĐỒNG

Giới tính Nam

Ngày tháng năm sinh 19/01/1981

Nơi sinh Hà Tĩnh

Quốc tịch Việt Nam

Địa chỉ thường trú 346 Hà Huy Tập, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh

CMND 183069163 cấp ngày 10/12/2011 tại CA Hà Tĩnh

Điện thoại liên hệ 04 35624709
Trình độ chuyên môn Thạc sỹ Tài chính

Chức vụ hiện nay

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác Không

Quá trình công tác

- 7/2014 đến 2/2017 *Kế toán trưởng – Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Hà Long (HALCOM)*
- 08/2009 - 7/2014 *Giám đốc Tài chính – Công ty Vinhconship – chi nhánh Hà Nội*
- 2006 - 2008 *Kế toán Công ty TNHH Konishi*
- 2002 - 2006 *Kế toán Công ty TNHH Toa*

Hành vi vi phạm pháp luật Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ 500.000 cổ phiếu, chiếm 1,58% vốn điều lệ

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân 500.000 cổ phiếu, chiếm 1,58% vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Số cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan Không

Các khoản nợ đối với Công ty Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty

Lợi ích liên quan đối với Công ty Không

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành năm 2016

Căn cứ biên bản họp HĐQT ngày 16/1/2017, Ông Bùi Xuân Hồi được bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc Công ty.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/03/2017 là 115 người.

Bảng 1: Cơ cấu lao động Công ty tại thời điểm tháng 03/2017

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I. Phân theo giới tính	115	100
Nam	65	56,52
Nữ	50	43,48
II. Phân loại theo trình độ	115	100
Cán bộ có trình độ trên đại học	24	20,87
Cán bộ có trình độ đại học	75	65,22
Cán bộ có trình độ cao đẳng	11	9,57
Cán bộ có trình độ trung cấp, sơ cấp	5	4,34
Cán bộ có trình độ phổ thông	-	
III. Phân loại theo tính chất hợp đồng lao động	115	100
Cán bộ quản lý	20	17,39
Chuyên viên	30	20,09
Cộng tác viên	60	52,17
Lao động trực tiếp	5	10,35

2.4. Chế độ chính sách đối với người lao động

❖ Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: 8h/ngày, 5 ngày/tuần. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh, Công ty có thể yêu cầu CBNV làm thêm giờ và thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

Nghỉ phép, Lễ, Tết: Nhân viên công ty được nghỉ lễ, Tết theo đúng quy định của nhà nước. Những CBNV có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, những CBNV có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc.

Nghỉ ốm, thai sản: CBNV Công ty khi nghỉ ốm và thai sản sẽ được hưởng trợ cấp ốm đau do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả theo Luật Lao động.

Điều kiện làm việc: Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên làm việc, cụ thể, Công ty trang bị đầy đủ trang thiết bị để nhân viên làm việc. Ngoài ra, nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt.

❖ Chính sách tuyển dụng

Tháng 9 năm 2015, HALCOM với sự giúp đỡ của cán bộ Ngân hàng thế giới đã ban hành Quy trình tuyển dụng cán bộ, chuyên gia trong nước và quốc tế gồm 13 bước:

- Bước 1: Hoạch định nhu cầu tuyển dụng;
- Bước 2: Đề xuất tuyển dụng;
- Bước 3: Lập kế hoạch tuyển dụng;
- Bước 4: Phê duyệt;
- Bước 5: Thông báo và đăng tin tuyển dụng;
- Bước 6: Sàng lọc hồ sơ & lập danh sách;
- Bước 7: Kiểm tra nghiệp vụ chuyên môn;
- Bước 8: Phỏng vấn ứng viên;
- Bước 9: Xác minh CV và lựa chọn ứng viên;
- Bước 10: Chuẩn bị đón nhận nhân viên thử việc;
- Bước 11: Chào mừng nhân viên mới, đào tạo hội nhập;
- Bước 12: Đánh giá thử việc;
- Bước 13: Tiếp nhận chính thức;

Việc áp dụng chính sách tuyển dụng mới giúp công ty lựa chọn những chuyên gia hàng đầu trong nước và quốc tế trong lĩnh vực giao thông, cấp thoát nước, được các Ban quản lý dự án ODA các tỉnh đánh giá rất cao, giúp gia tăng uy tín công ty và các dự án được vận hành suôn sẻ, đúng hạn.

❖ Chính sách đào tạo

Mục tiêu và tiêu chí tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty hướng đến kỹ năng chuyên môn hóa cao trong tất cả các bộ phận công tác, Công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất.

Nội dung và hình thức đào tạo: Hỗ trợ kinh phí đào tạo trong và ngoài nước cho CBCNV trong việc học tập nâng cao nghiệp vụ, kỹ thuật. Hướng tới tổ chức các lớp học, thi nâng cao tay nghề, bậc kỹ thuật. Tạo ra phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.

❖ Chính sách lương thưởng và phúc lợi

Tháng 9 năm 2015, HALCOM đã ban hành Quy chế lương thưởng công ty với sự tư vấn của Cố vấn người Mỹ, bà Jacqueline. Quỹ lương thưởng của công ty bao gồm: Quỹ tiền lương cơ bản, Quỹ phụ cấp tiền lương, Quỹ dự phòng và phúc lợi, Quỹ tiền thưởng bao gồm: quỹ thưởng theo năng suất, quỹ khen thưởng, quỹ thưởng vượt lợi nhuận định mức. Bên cạnh đó, Công ty còn xây dựng chính sách phúc lợi và chăm sóc

chuyên gia tư vấn như: thưởng ngày lễ, tết, nghỉ mát,...nhằm tạo ra sự gắn kết giữa nhân viên, chuyên gia dự án, thúc đẩy năng suất làm việc.

Bảng 2: Chính sách lương thưởng và phúc lợi của HALCOM

(Đơn vị: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
Tổng chi phí lương và thưởng cả năm	16.502	13.378
Số lượng lao động bình quân trong kỳ	120	115
Thu nhập bình quân mỗi tháng	11,5	9,7

❖ Tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên

HALCOM đã xây dựng tổ chức công đoàn và đoàn thanh niên vững mạnh trong nhiều năm qua nhận được sự đánh giá cao của Công đoàn Ngành xây dựng Hà Nội và thành đoàn Hà Nội. Ông ty đã xây dựng Thỏa ước lao động tập thể trong đó chú trọng các chế độ phúc lợi chăm sóc người lao động như: nghỉ ngày thứ 7 được hưởng nguyên lương, tham quan nghỉ mát định kỳ, thưởng theo năng suất, mừng thọ bố, mẹ vợ/chồng của người lao động có độ tuổi trên 70, tham quan nghỉ mát định kỳ, thưởng theo năng suất, trợ cấp khó khăn, cán bộ nhân viên được tham gia khám sức khỏe định kỳ hàng năm do công ty tài trợ, được tham gia các khóa học bồi dưỡng nâng cao kiến thức...Đoàn thanh niên công ty được quan tâm phát triển mạnh, tổ chức Đoàn thanh niên đã tham gia nhiều hoạt động từ thiện như: tài trợ chăn bông cho bà con nghèo xã Xín Mần, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang, tham gia giao hữu bóng đá, thể thao với các cơ quan Quận Đống Đa, Ban Quản lý dự án Việt Trì, Hưng Yên...tạo được sự gắn kết giữa Công ty và các khách hàng và chính quyền địa phương.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn

- Các khoản đầu tư xây dựng cơ bản dở dang là 200,4 tỷ đồng

Đến 31/03/2017 Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long đã thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản dở dang 200,4 tỷ đồng. Trong đó:

- + Hợp tác kinh doanh với Công ty CP Nước Hưng Long với tổng số tiền 100 tỷ đồng. Dự án là hợp đồng hợp tác kinh tế kinh doanh số 05/2015/HĐKT ngày 10 tháng 07 năm 2015 về việc đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà máy cung cấp nước sạch tại thị trấn Lương Bằng, và khu vực lân cận huyện Kim Động tỉnh Hưng Yên. Thời gian hợp tác là 5 năm.

- + Dự án Hợp tác đầu tư “Chuẩn bị đầu tư các dự án giao thông và xử lý nước thải theo hình thức PPP tại thành phố Cần Thơ” với tổng số tiền là 60 tỷ đồng. Dự án hợp tác giữa liên danh gồm Công ty Quản lý xây dựng và công nghệ thông tin (CMIT – Hàn Quốc) và Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Hà Long với Công ty CP Đầu tư TPP Việt Nam. Hai bên thống nhất hình thành liên danh thực hiện hoạt động nghiên cứu tiền khả thi, nghiên cứu khả thi lập dự án đầu tư, đưa ra đề xuất đầu tư các dự án giao thông và xử lý nước thải tại thành phố Cần Thơ. Thời gian hợp tác là 3 năm.
- + Hợp tác kinh doanh dự án “Xây dựng trung tâm dịch vụ chăm sóc sức khỏe người lao động tại Tân Long, xã Hồ Sơn, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc” với tổng số tiền 40,4 tỷ đồng giữa Công ty CP Nước Thuận Thành và Công ty Cổ phần Đầu tư Green Capital Hà Nội. Thời gian hợp tác là 10 năm.
- Đầu tư tài chính dài hạn là 153,09 tỷ đồng:

Đến 31/03/2017 Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long đã thực hiện đầu tư tài chính dài hạn 153,09 tỷ đồng. Trong đó:

- + Khoản vay 110 tỷ đồng của công ty con Công ty CP Nước Thuận Thành được chuyển thành khoản góp vốn vào Công ty CP Nước Thuận Thành để bổ sung nguồn vốn cho các hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh của Công ty CP Nước Thuận Thành.
- + Góp vốn vào Công ty CP Chuyển giao công nghệ nước sạch Hồng Ngọc 8,51 tỷ đồng tương đương tỷ lệ vốn góp chiếm 13,10%.
- + Góp vốn vào Công ty CP Công nghệ nước sạch Khang Long 12,9 tỷ đồng tương đương tỷ lệ vốn góp chiếm 19,85%.
- + Góp vốn vào Công ty Công nghệ Nước sạch Đại Việt 10,69 tỷ đồng tương đương tỷ lệ vốn góp chiếm 17,82%.
- + Góp vốn vào Công ty Cổ phần Công nghệ HIPT 10,99 tỷ đồng tương đương tỷ lệ vốn góp chiếm 18,31%.

3.2. Các khoản cho vay và hợp tác đầu tư

Đến 31/3/2017, tổng số tiền cho vay dài hạn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long là 3.4 tỷ đồng. Đây là số tiền hợp tác đầu tư theo hợp đồng số 04/HDUTDT ngày 15 tháng 6 năm 2015, Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Hà Long cho Công ty CP Hạ tầng THPT Việt Nam vay số tiền 10 tỷ đồng với lãi suất cố định là 2%/năm, thời hạn vay là 3 năm.

3.3. Các công ty con và công ty liên kết

Công ty con: Công ty Cổ phần nước Thuận Thành

Với hoạt động sản xuất kinh doanh chính là: Hoạt động cung cấp nước sạch, xây dựng, kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan đến ngành nước; bán buôn thiết bị cấp, thoát nước và thiết bị phục vụ môi trường. Năm 2016, Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành thực hiện cung cấp nước sạch, xây dựng và bán buôn thiết bị cấp thoát nước. Do vậy, đã góp phần tăng doanh thu cung cấp dịch vụ, tăng lợi nhuận cho Công ty.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành như sau:

- Tổng doanh thu	79.943.121.659 đồng
Trong đó:	
+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	73.087.010.398 đồng
+ Doanh thu hoạt động tài chính	4.306.952.014 đồng
+ Thu nhập khác	2.549.159.247 đồng
- Tổng chi phí	72.062.667.723 đồng
Trong đó:	
+ Giá vốn	67.839.501.624 đồng
- Lợi nhuận trước thuế	7.453.501.641 đồng

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	432,09	460,55	6,59%
Doanh thu thuần	165,18	281,44	70,38%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	14,55	37,33	156,56%
Lợi nhuận khác	8,86	1,63	-81,60%
Lợi nhuận trước thuế	23,41	38,96	66,42%
Lợi nhuận sau thuế	18,17	31,28	72,15%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	742	1015	36,79%

(Nguồn: BCTC hợp nhất HALCOM đã kiểm toán năm 2016)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
1. <i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	3,58	2,37	
+ Hệ số thanh toán nhanh			
<u>Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho</u>	3,39	2,12	
Nợ ngắn hạn			
2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	23,45	21,55	
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	30,63	27,47	
3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân	24,59	29,42	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	58,11	61,11	
4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	11,00	11,11	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	9,14	8,66	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	6,39	6,79	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	13,41	13,26	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- a) Cổ phần: 31.606.621 (Bằng chữ: Ba mươi một triệu, sáu trăm linh sáu nghìn, sáu trăm hai một) Cổ phần phổ thông

b) Cơ cấu cổ đông

Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm tháng 17/3/2017

STT	Tên cổ đông	CMTND số (hoặc Hộ chiếu số)	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Quang Huân	034064000029- cấp ngày 29/8/2013 tại Hà Nội	Số 1, ngách 6/14, Đội Nhân, P.Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội	4.415.076	14,72
2	Phùng Ngọc Sơn	012960965-cấp ngày 20/5/2007 tại Hà Nội	Số 3 tổ 6 P.Tân Mai, Hà Nội	1.626.197	5.15%
3	Võ Thùy Dương	184275660-cấp ngày 5/03/2014 tại Hà Tĩnh	P.Hà Huy Tập, Hà Tĩnh	1.585.837	5,02%

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông công ty tại thời điểm tháng 17/03/2017

STT	Danh mục	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Số CĐ
I	Cổ đông trong nước	31.327.000	313.270.000.000	99,12%	936
1	Tổ chức	1021	10.210.000	0,03%	5
2	Cá nhân	31.325.979	313.259.790.000	99,09%	931
II	Cổ đông nước ngoài	273.980	2.739.800.000	0,87%	6
1	Tổ chức	-	-	-	-
2	Cá nhân	273.980	2.739.800.000	0,87%	6
III	Cổ phiếu quỹ	5.641	56.410.000	0,01%	1
IV	Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
	Tổng cộng	31.606.621	316.066.210.000	100%	943

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh sản xuất kinh doanh

Năm tài chính 2016, Công ty đạt 281,44 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng trưởng 70,39% so với năm tài chính 2015, lợi nhuận sau thuế đạt 31,28 tỷ đồng tăng trưởng 72,17% so với năm tài chính 2015. Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu của Công ty tăng từ 5,49% năm tài chính 2015 lên mức 8,66% vào năm tài chính 2016.

Những tiến bộ công ty đã đạt được:

- Chương trình tuân thủ doanh nghiệp CCP ký với ngân hàng thế giới được triển khai giúp kiện toàn một bước cơ cấu tổ chức, quy trình hoạt động chuyên nghiệp hóa, giúp tăng năng suất lao động của công ty, đảm bảo an toàn và minh bạch trong hoạt động.
- Công ty ngoài việc chuẩn hóa các quy trình làm việc theo tiêu chuẩn của Ngân hàng thế giới còn tiến tới thuê các chuyên gia quản lý, điều hành người nước ngoài có nhiều kinh nghiệm trong quản lý dự án ODA để tăng sức cạnh tranh cho doanh nghiệp trong đấu thầu, quản lý tốt các dự án ODA lớn, và nâng cao hiệu quả quản trị chuỗi giá trị trong doanh nghiệp, tiến tới đấu thầu các dự án ODA bên ngoài Việt Nam.
- Công ty đã đề ra được chiến lược phát triển, trong đó chú trọng vào phân khúc khách hàng vốn ODA và FDI giúp hoạt động đấu thầu, thanh quyết toán, và tài chính của công ty tập trung, hiệu quả và an toàn, không bị ứ đọng nguồn vốn và nợ xấu trong bối cảnh kinh tế trong nước còn nhiều khó khăn, đặc biệt khối cơ quan doanh nghiệp nhà nước.
- Công tác thu hồi công nợ các dự án được triển khai rất tốt đúng quy trình, dòng tiền thu hồi về tăng lên nhiều so với những năm trước.
- Công ty đã ký được nhiều hợp đồng mới trong lĩnh vực tư vấn với các nhà tài trợ, và công ty trong nước giúp mang lại nguồn doanh thu lớn.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Trong năm 2016 tài sản của Công ty có sự biến động cụ thể tổng tài sản đầu năm là 432,09 tỷ đồng cuối năm là 460,55 tỷ đồng tăng 6,59% tương ứng mức tăng 28,46 tỷ đồng. Sự biến động đó làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty. Sự biến động của tài sản chủ yếu là do các nguyên nhân sau:

Các khoản phải thu năm 2016 là 65,79 tỷ đồng, giảm 71,29 tỷ đồng so với năm 2015. Phải thu về cho vay dài hạn năm 2016 tăng 33,67 tỷ đồng so với năm 2015. Mức tăng này chủ yếu là do khoản đầu tư tài chính dài hạn tăng mạnh 77,3 tỷ đồng so với

năm 2015. Trong năm tài chính 2016, Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long đã đầu tư 13,54 tỷ đồng vào Công ty Cổ phần Phú Minh.

Ngoài ra, công ty còn đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác như Công ty Cổ phần Công nghệ nước sạch Khang Long là 19,9 tỷ đồng, Công ty Cổ phần Công nghệ nước sạch Đại Việt là 10,69 tỷ đồng, Công ty Cổ phần Đầu tư nước và Dầu khí Me Kong là 11 tỷ đồng, Công ty Cổ phần Nước sạch miền trung là 11,8 tỷ đồng... Tổng mức đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác của công ty năm tài chính 2016 là 73,73 tỷ đồng cao hơn mức 9,97 tỷ đồng của năm 2015.

b) Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả của công ty trong năm 2016 tăng so với năm 2015 là do công ty có các khoản nợ phải trả người bán ngắn hạn là 11,22 tỷ đồng. Trong đó chủ yếu là các khoản nợ đối với Công ty Cổ phần An Đạt là 4,34 tỷ đồng và Công ty Cổ phần Cơ khí và Công nghiệp Ánh Dương là 5,85 tỷ đồng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2016, Công ty duy trì sự ổn định về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý. Công ty chú trọng phát triển công tác đào tạo nội bộ, nâng cao chất lượng nhân viên.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

HALCOM tập trung các kế hoạch hành động sau:

- Về tư vấn: Tập trung thị trường ODA trong nước rồi mở sang các nước trong khu vực Đông Nam Á; sau đó sẽ thâm nhập và chiếm lĩnh thị trường FDI và tư nhân trong nước.
- Về đầu tư: Đầu tư bền vững vào các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu, an sinh xã hội, đặc biệt ưu tiên ngành nước.
- Tích cực tham gia M&A một số thương hiệu nhà nước mạnh trong lĩnh vực tư vấn mà nhà nước đang có chủ chương thoái vốn.
- HALCOM đã tiên phong trong việc áp dụng chương trình tuân thủ doanh nghiệp (CCP) theo tiêu chuẩn của Ngân hàng Thế giới, hoàn chỉnh quy trình đào tạo cán bộ, chuyên gia, quy trình đấu thầu, quản lý hợp đồng, quản lý tài chính dự án và kiểm toán dự án theo tiêu chuẩn Ngân hàng Thế giới.
- Công ty tập trung xây dựng thương hiệu HALCOM gắn với chất lượng.
- HALCOM tiếp tục tập trung vào phân khúc khách hàng chính là khách hàng khối ODA, bao gồm ODA đa phương (ngân hàng thế giới, ngân hàng châu Á) và ODA song phương (Hàn Quốc, Nhật Bản, Phần Lan, EU, Mỹ).

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Kinh tế - xã hội năm 2016 vẫn diễn ra trong bối cảnh thị trường toàn cầu có những bất ổn, kinh tế thế giới vẫn đối mặt với nhiều rủi ro lớn với các nhân tố khó lường. Thương mại toàn cầu sụt giảm do tổng cầu yếu. Kinh tế thế giới chưa lấy lại được đà tăng trưởng và phục hồi chậm. Trong bối cảnh đó, Công ty HALCOM đã vượt qua khó khăn, nỗ lực hoàn thành Chương trình tuân thủ doanh nghiệp, đã được Nhóm Ngân hàng thế giới (WBG) xác nhận, đánh giá cao và đã gỡ bỏ lệnh cấm đầu thầu từ 30.3.2016. Năm qua, với 209,39 tỷ doanh thu của công ty mẹ trong tổng số 281,44 tỷ doanh thu cả Công ty, HALCOM đã chứng tỏ được khả năng vượt khó và sáng tạo để có bước tiến lớn trên con đường phát triển của mình. Bên cạnh việc tập trung sản xuất kinh doanh, tăng doanh thu, Công ty còn tiếp tục đẩy mạnh xây dựng văn hóa doanh nghiệp dựa trên Triết lý kinh doanh và 4 giá trị cốt lõi đã xác định từ trước, đồng thời tuân thủ theo các chuẩn mực mà Công ty đã cam kết với Ngân hàng thế giới (WB). Văn hóa doanh nghiệp và các cam kết tuân thủ được cụ thể hóa thông qua Bộ Quy tắc Ứng xử của Công ty, đó là kim chỉ nam cho mọi hành động mà HALCOM sẽ hướng tới cộng đồng và xã hội để đảm bảo kinh doanh bền vững, luôn phát triển cùng với sự phát triển của đất nước để “Vươn cùng thời đại”. Từ Bộ Quy tắc Ứng xử, Công ty đã kiện toàn lại bộ máy, sắp xếp lại tổ chức, thành lập Ban Liêm chính, bổ sung cán bộ có năng lực ở tất cả các khâu và tổ chức đào tạo từ HĐQT đến nhân viên để tất cả cán bộ - nhân viên đều có chung nhận thức và cùng hành động vì sự phát triển bền vững gắn với minh bạch và liêm chính. Đường dây nóng cũng đã được thiết lập để lắng nghe các phản hồi từ cộng đồng và khách hàng về các hành động cụ thể trong quá trình kinh doanh của mình. Nói đi đôi với làm, nghiêm chỉnh thực hiện các cam kết; đó chính là sức mạnh của HALCOM và đó cũng là cách mà HALCOM xây dựng hình ảnh với khách hàng và cộng đồng để vững bước tiến vào tương lai.

Sau 3 năm xây dựng, hoàn thiện và vận hành Chương trình CCP, HALCOM ngày càng tự tin hơn và thu được nhiều kết quả tốt hơn. Ngày càng có nhiều bạn bè quốc tế đến từ các nước Mỹ, Đức, Pháp, Nhật Bản, Singapore và Hàn Quốc bày tỏ quan tâm và muốn được ký kết hợp tác với HALCOM ở cả lĩnh vực tư vấn ODA và đầu tư các dự án PPP. Kể từ khi được thành lập, trong suốt 16 năm qua, chưa bao giờ Công ty có vị thế tốt nhất như hiện nay để đấu thầu các dự án ODA do Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển Châu Á, hay hợp tác song phương tài trợ. Đó chính là dấu hiệu Công ty sẽ đạt doanh thu tư vấn cao nhất trong năm nay, tạo đà phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc

2.1. Cơ cấu và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ

2.2. Điều chỉnh chiến lược Công ty giai đoạn 2016-2025

Bám sát Chiến lược kinh doanh 2015-2025, trong năm 2016, HĐQT đã đưa ra định hướng chiến lược cho hoạt động kinh doanh của Công ty với mục tiêu tăng trưởng an toàn, bền vững, đẩy mạnh hoạt động thương mại để bù đắp cho thiếu hụt của hoạt động tư vấn do lệnh cấm của WB; đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế để thực hiện các dự án PPP. Theo đó, Công ty đã thành lập Ban chuẩn bị các dự án đầu tư và bổ nhiệm một cán bộ có năng lực làm Giám đốc Ban. Ngoài ra, Công ty đã tuyển một Phó giáo sư, Tiến sĩ về đảm nhận vị trí Phó TGD, bổ nhiệm Giám đốc kinh doanh, cử các cán bộ đi dự các khóa đào tạo về các lĩnh vực khác nhau để củng cố kiến thức chuyên môn và kỹ năng quản trị Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

3.1. Doanh thu và lợi nhuận

3.2. Kiện toàn công ty quản lý

- Tăng cường kiểm soát chất lượng sản phẩm, tạo cơ chế giám sát chất lượng sản phẩm đầu ra của các hợp đồng, xây dựng mạng lưới đối tác mạnh, gồm cả chuyên gia tư vấn và đối tác hợp tác trong và ngoài nước cho các dự án tư vấn và đầu tư nhằm tạo hình ảnh, thương hiệu HALCOM gắn với minh bạch và cam kết, luôn đề cao chất lượng sản phẩm và tiến độ dịch vụ từ đó khẳng định uy tín HALCOM.
- Cải thiện cơ cấu tổ chức, quản lý, tăng cường năng lực bộ phận Đấu thầu và Quản lý hợp đồng, MKT và Liêm chính, tạo cơ chế giám sát chất lượng thực hiện các gói thầu dịch vụ, trong đó có các danh mục để kiểm tra, đánh giá khi cần thiết.
- Duy trì văn hóa Công ty dựa trên 4 giá trị cốt lõi; trong năm 2017, tập trung đẩy mạnh văn hóa sáng tạo và văn hóa thị trường.
- Luôn lấy Chương trình Tuân thủ doanh nghiệp (CCP) là nền tảng để quản trị doanh nghiệp. Bộ quy tắc ứng xử là kim chỉ nam cho mọi hoạt động kinh doanh, trong đó việc thực hiện 23 quy trình, quy chế phải được thường xuyên kiểm tra. Đường dây nóng phải được duy trì thường xuyên dưới sự giám sát của Ban liên chính. Việc thực hiện chương trình CCP còn phải được truyền thông rộng rãi cho đối tác, cho khách hàng và cho cộng đồng để giám sát và hỗ trợ Công ty thực hiện cam kết.

3.2.1. Tăng cường kiểm soát chất lượng sản phẩm

- Tạo cơ chế giám sát chất lượng sản phẩm đầu ra của các hợp đồng.
- Xây dựng mạng lưới đối tác mạnh, gồm cả chuyên gia tư vấn và đối tác hợp tác trong các dự án tư vấn và đầu tư nhằm tạo hình ảnh, thương hiệu HALCOM về chất lượng, tiến độ dịch vụ.
- Dẫn khẳng định thương hiệu uy tín HALCOM.

3.2.2. Cải thiện cơ cấu tổ chức, quản lý

- Tăng cường năng lực bộ phận đấu thầu, MKT và Liêm chính.
- Tạo cơ chế giám sát chất lượng thực hiện các gói thầu dịch vụ, trong đó có các danh mục dễ kiểm tra, đánh giá khi cần thiết.
- Thúc đẩy các dự án đầu tư lớn theo hình thức PPP mà có sự phối hợp giữa kinh nghiệm về lĩnh vực tư vấn và đầu tư.

3.2.3. Tăng cường văn hóa công ty

- Áp dụng văn hóa sáng tạo cùng với văn hóa thị trường.

3.2.4. Chương trình Tuân thủ doanh nghiệp (CCP)

- Đẩy mạnh thực hiện các quy trình đã xây dựng theo hướng minh bạch.
- Áp dụng và có giải pháp lan tỏa mô hình CCP ra bên ngoài Công ty, đặc biệt các đối tác và nhân sự hợp tác với Công ty.

3.3. Thúc đẩy các dự án đầu tư

- Thực hiện triển khai các dự án Phong điện Phương Mai III
- Triển khai nghiên cứu và lên phương án đầu tư Nhà máy nước Nhơn Hội 100.000 m³/ngày.
- Tìm hiểu các dự án cơ sở hạ tầng tại Hà Nội và các tỉnh lân cận;
- Triển khai đầu tư dự án giao thông tại Cần Thơ.

3.4. Công tác phát hành cổ phiếu và tăng vốn điều lệ

- Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2016 là 5%; dự kiến năm 2017 là 4%.

3.5. Phát triển nguồn nhân lực

- Mở rộng mạng lưới đội ngũ CTV theo từng lĩnh vực, từng vùng miền đáp ứng các lĩnh vực về tư vấn và đầu tư;
- Tăng cường năng lực cho đội ngũ quản lý và bổ sung đội ngũ kế cận đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty trong dài hạn. Xây dựng nhóm các nhân sự cốt lõi làm tiền đề phát triển lâu dài;
- Hoàn thiện các bản năng lực cốt lõi chuẩn cho từng vị trí, từ đó có kế hoạch bồi dưỡng, phát triển nhân lực cho Công ty tạo lợi thế cạnh tranh;

- Tiếp tục nâng cao kỹ năng làm việc cho CBNV và dần tiến tới khoán chi phí cho tất cả các bước của chuỗi giá trị tạo động lực làm việc và nâng cao hiệu suất làm việc;

4. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Số CMND	Năm sinh	Chức vụ
1	Nguyễn Quang Huân	034064000029	20/12/1964	Chủ tịch HĐQT
2	Trần Đình Khai	010996839	13/03/1939	Thành viên HĐQT
3	Phùng Ngọc Sơn	012960965	17/11/1977	Thành viên HĐQT
4	Nguyễn Văn Lâm	012875230	09/08/1966	Thành viên HĐQT
5	Đoàn Ngọc Hiếu	031396626	21/01/1987	Thành viên HĐQT

❖ Nguyễn Quang Huân – Chủ tịch HĐQT

Họ tên	NGUYỄN QUANG HUÂN
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	20/12/1964
Nơi sinh	Thái Bình
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Số 1, ngách 6/14 phố Đội Nhân, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
CMND	034 064 0000 29 cấp ngày 29/08/2013 tại Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và QLQG
Điện thoại liên hệ	04 35624709
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Quản trị kinh doanh, Chứng chỉ sau đại học về Quản lý ngành nước và Môi trường, Kỹ sư chế tạo máy
Chức vụ hiện nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Ủy viên Ban Thường Vụ, Phó Chủ tịch Hội Doanh nhân tư nhân Việt Nam (VPBA)
Quá trình công tác	

- 10/2013 đến nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Hà Long, đổi tên từ Công ty Infra – Thăng Long
- 6/2013 - 9/2013	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Công ty CP Phát triển Hạ tầng Thăng Long (Infra – Thăng Long)
- 7/2007 - 5/2013	Tổng Giám đốc Công ty CP Phát triển Hạ tầng Thăng Long
- 8/2004 - 6/2007	Giám đốc Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng Thăng Long (Infra-TL), đổi tên từ W&E Ltd
- 7/2001 - 7/2004	Phó Giám đốc Công ty TNHH Nước và Môi trường Đường Thành (W&E Ltd)
- 4/2000 - 6/2001	Chuyên gia tư vấn – Công ty CP Nước và Môi trường Việt Nam (VIWASE)
- 7/1988 - 4/2000	Điều phối viên, trưởng nhóm thiết kế một số dự án cấp nước/Kỹ sư cơ khí – Công ty Cấp nước Hải Phòng
- 1/1988 - 6/1988	Kỹ sư cơ khí – Nhà máy cơ khí Việt Đức, Hải Phòng, Việt Nam
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	4.651.591 cổ phiếu, chiếm 14,7% vốn điều lệ
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân	4.651.591 cổ phiếu, chiếm 14,72% vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	839.705 cổ phiếu, chiếm 2,66% vốn điều lệ
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Phụ cấp dành cho Chủ tịch HĐQT
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

❖ **Trần Đình Khai – Thành viên HĐQT**

Họ tên	TRẦN ĐÌNH KHAI
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	13/03/1939
Nơi sinh	Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	43 ngõ 26, Đông Tác, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Hà Nội
CMND	010996839 cấp ngày 14/06/2007 tại CA. TP Hà Nội
Điện thoại liên hệ	04 35624709
Trình độ chuyên môn	Phó Giáo sư ngành Cấp thoát nước Phó Tiến sỹ khoa học kỹ thuật, Trường Đại học Leningrat 1978 Kỹ sư Cấp thoát nước, Trường Đại học Xây dựng Kiev 1965
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Cố vấn cấp cao/Chuyên gia cấp thoát nước, môi trường cấp cao (Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Hà Long)
Quá trình công tác	
- 2013 đến nay	<i>Thành viên HĐQT/ Cố vấn cấp cao/ Chuyên gia cấp thoát nước, môi trường cấp cao – Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Hà Long (HALCOM)</i>
- 2010 - 2013	<i>Cố vấn cấp cao/ Chuyên gia cấp thoát nước, môi trường cấp cao – Công ty CP Phát triển Hạ tầng Thăng Long</i>
- 2007 – 2010	<i>Chủ tịch HĐQT/ Chuyên gia cấp thoát nước, môi trường cấp cao – Công ty CP Phát triển Hạ tầng Thăng Long</i>
- 11/2014 - 6/2007	<i>Phó chủ tịch Hội đồng thành viên, Chuyên gia cấp thoát nước, môi trường cấp cao - Công ty CP Phát triển Hạ tầng</i>

Thăng Long, đổi tên từ W&E Ltd

- 7/2001 - 10/2004 *Giám đốc Công ty TNHH Nước và Môi trường Đường Thành (W&E Ltd)*
- 1985 - 2001 *Chuyên gia cấp thoát nước, môi trường – Công ty CP Nước và Môi trường Việt Nam*

Hành vi vi phạm pháp luật Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ 137.596 cổ phiếu, chiếm 0,44 % vốn điều lệ

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân 137.596 cổ phiếu, chiếm 0,44 % vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan Không

Các khoản nợ đối với Công ty Không

Thù lao và lợi ích khác Phụ cấp dành cho Thành viên HĐQT nhận được từ Công ty

Lợi ích liên quan đối với Công ty Không

❖ **Phùng Ngọc Sơn – Thành viên HĐQT**

Họ tên	PHÙNG NGỌC SƠN
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	17/11/1977
Nơi sinh	Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	3 Tổ 6, Phường Tân Mai, Q. Hoàng Mai, Hà Nội
CMND	012960965 cấp ngày 20/05/2007 tại CA. TP Hà Nội
Điện thoại liên hệ	04 35624709

Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Đại biểu Hội đồng nhân dân Huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh
Quá trình công tác	
- 2013 đến nay	Thành viên HĐQT/ Chủ tịch HĐQT Nước Thuận Thành, Giám đốc Ban đầu tư Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Hà Long (HALCOM)
- 2008 - 2013	Trưởng phòng Tài chính – Kế toán – Công ty CP Phát triển Hạ tầng Thăng Long
- 2007 – 2010	Chủ tịch HĐQT/ Chuyên gia cấp thoát nước, môi trường cấp cao – Công ty CP Phát triển Hạ tầng Thăng Long
- 2006 - 2008	Phó phòng kế toán tại Newway – Tổng công ty Vận tải Hà Nội
- 2004 - 2006	Kế toán trưởng tại Công ty học liệu giáo dục – Nhà xuất bản giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo
- 2003 - 2004	Kế toán tại Công ty Xây dựng trường học – Bộ Giáo dục và Đào tạo
- 2000 - 2003	Thư ký tại Dự án Phát triển Giáo dục Tiểu học – Bộ Giáo dục và Đào tạo
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	1.626.197 cổ phiếu, chiếm 5,15% vốn điều lệ
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân	1.626.197 cổ phiếu, chiếm 5,15% vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	490.000 cổ phiếu

Các khoản nợ đối với Công ty Không

Thù lao và lợi ích khác Nhận được từ Công ty Phụ cấp dành cho Thành viên HĐQT

Lợi ích liên quan đối với Công ty Không

❖ **Nguyễn Văn Lâm – Thành viên HĐQT**

Họ tên **NGUYỄN VĂN LÂM**

Giới tính Nam

Ngày tháng năm sinh 09/08/1966

Nơi sinh Thái Bình

Quốc tịch Việt Nam

Địa chỉ thường trú Hải Bối – Đông Anh – Hà Nội

CMND 012875230 cấp ngày 27/04/2006 tại CA. TP Hà Nội

Điện thoại liên hệ 04 35624709

Trình độ chuyên môn Kỹ sư máy – Đại học GTVT

Chức vụ hiện nay Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác Trưởng phòng Thiết bị Công ty CP Cầu 3 Thăng Long

Quá trình công tác

- 2015 đến nay Thành viên HĐQT – Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Hà Long (HALCOM)
- 2010 đến nay Trưởng phòng Thiết bị Công ty CP Cầu 3 Thăng Long
- 2006 - 2010 Phó phòng Thiết bị Công ty CP Cầu 3 Thăng Long
- 2000 - 2005 Đội trưởng Đội máy đặc chủng Công ty Cầu 3 Thăng Long
- 1994 - 2000 Kỹ sư Phòng Cơ điện Công ty Cầu 3 Thăng Long

Hành vi vi phạm pháp luật Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan Không

Các khoản nợ đối với Công ty Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty Phụ cấp dành cho Thành viên HĐQT

Lợi ích liên quan đối với Công ty Không

❖ **Đoàn Ngọc Hiếu – Thành viên HĐQT**

Họ tên	ĐOÀN NGỌC HIẾU
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	21/01/1987
Nơi sinh	Hải Phòng
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Số 9, ngõ 53 Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng
CMND	031396626 cấp ngày 23/06/2008 tại CA. TP Hải Phòng
Điện thoại liên hệ	04 35624709
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Cầu đường
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Kỹ sư tại Công ty CP Tư vấn Thiết kế Giao thông vận tải
Quá trình công tác	

- 2015 đến nay Thành viên HĐQT – Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Hà Long (HALCOM)
- 2012 đến nay Kỹ sư tại Công ty CP Tư vấn Thiết kế Giao thông vận tải
- 2002 - 2011 Kỹ sư tại SMEC Việt Nam

Hành vi vi phạm pháp luật Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan Không

Các khoản nợ đối với Công ty Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty Phụ cấp dành cho Thành viên HĐQT

Lợi ích liên quan đối với Công ty Không

b) Các tiểu ban thuộc HĐQT

HĐQT chưa lập các tiểu ban thuộc HĐQT

c) Hoạt động của HĐQT

HĐQT thường xuyên theo dõi hoạt động điều hành của Ban Giám đốc để đảm bảo tuân thủ và phù hợp các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 và các Nghị quyết Hội đồng quản trị trong năm tài chính 2016. Theo đó, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và giám sát các nội dung sau:

+ Hoàn thành, nộp và công bố thông tin đúng thời hạn Báo cáo tài chính năm 2015 đã kiểm toán và Báo cáo thường niên năm 2015, Báo cáo tài chính hàng Quý năm tài chính 2016

+ Tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 đúng theo quy định vào ngày 17/7/2016

+ Đôn đốc và theo dõi tiến độ thực hiện và hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2015, thực hiện kế hoạch năm các dự án trong năm 2015 và năm 2016 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015, 2016 thông qua;

+ Hoàn thành chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận năm tài chính 2016 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016;

+ Triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm tài chính 2014 và 2015 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016;

+ Thực hiện các Dự án đầu tư đúng thời hạn, hiệu quả;

+ Khai thác, vận hành các Dự án đang hoạt động;

+ Nghiên cứu và triển khai các Dự án mới có tiềm năng;

+ Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành doanh nghiệp.

+ HĐQT cùng Ban điều hành Công ty đi kiểm tra thực tế tình hình hoạt động của Đoàn tư vấn dự án Phát triển toàn diện kinh tế - xã hội cho 3 thành phố Đồng Đăng, Hưng Yên và Việt Trì do ADB tài trợ.

- Các cuộc họp của HĐQT

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01-2016/NQ- HĐQT/HALCOM	17/5/2016	Miễn nhiệm chức danh Phó TGĐ công ty HALCOM và Chấm dứt HĐLĐ đối với ông Nguyễn Việt Dũng
2	02-2016/QĐ- HĐQT/HALCOM	21/5/2016	Khen thưởng các chức danh do HĐQT quản lý đạt thành tích xuất sắc năm tài chính 2015
3	03-2016/QĐ- HĐQT/HALCOM	01/6/2016	Thay đổi tên Ban CCP và tên tiếng Anh chức danh Giám đốc Liêm Chính
4	04-2016/QĐ- HĐQT/HALCOM	28/7/2016	Miễn nhiệm chức danh Giám đốc Liêm chính Công ty HALCOM và Chấm dứt HĐLĐ đối với ông Hoàng Trung Thành
5	05-2016/QĐ- HĐQT/HALCOM	28/7/2016	Bổ nhiệm chức danh Giám đốc Liêm chính Công ty HALCOM đối với bà Lê Phương Anh
6	06-2016/NQ- HĐQT/HALCOM	16/8/2016	Triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm tài chính 2014 và 2015 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên

			năm 2016
7	07-2016/NQ-HĐQT/HALCOM	22/8/2016	Điều chỉnh lại chứng khoán cho cổ đông Nguyễn Việt Dũng
8	08-2016/NQ-HĐQT/HALCOM	29/8/2016	Điều chỉnh phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm tài chính 2014 và 2015 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016
9	09-2016/NQ-HĐQT/HALCOM	26/12/2016	Thông qua việc chuyển nhượng cổ phần góp vào Công ty CP Hòa Long
10	10-2016/NQ-HĐQT/HALCOM	16/1/2017	Phê duyệt kế hoạch doanh thu/ngân sách tài chính năm 2017
11	11 ^A -2016/QĐ-HĐQT/HALCOM	24/1/2017	Bổ nhiệm vị trí Phó Tổng giám đốc đối với ông Bùi Xuân Hồi
12	11-2016/NQ-HĐQT/HALCOM	06/2/2017	Điều chỉnh lại chứng khoán cho các cổ đông
13	12-2016/QĐ-HĐQT/HALCOM	08/2/2017	Bổ nhiệm vị trí thành viên Ban Liêm chính đối với ông Bùi Xuân Hồi
14	13-2016/NQ-HĐQT/HALCOM	13/2/2017	Chuyển khoản vay thành góp vốn 2 xe oto
15	15-2016/NQ-HĐQT/HALCOM	28/2/2017	Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2017
16	17-2016/QĐ-HĐQT/HALCOM	15/03/2017	Miễn nhiệm vị trí Kế toán trưởng đối với ông Lê Thành Đồng
17	18-2016/QĐ-HĐQT/HALCOM	15/3/2017	Bổ nhiệm vị trí Kế toán trưởng đối với bà Bùi Thị Xuyên
18	19-2016/QĐ-HĐQT/HALCOM	31/3/2017	Tách Phòng Quản trị kinh doanh (HAL-BA) thành hai phòng là Phòng Hành chính – Nhân sự (HAL-HA) và Phòng Phát triển kinh doanh (HAL-BD)
19	20-2016/QĐ-HĐQT/HALCOM	31/3/2017	Đổi tên Trung tâm giao thông thành Trung tâm phát triển hạ tầng
20	20-2016/CV-	28/3/2017	Kết quả chuyến thăm hiện trường đợt 2 của

	HĐQT/HALCOM		HĐQT công ty HALCOM (Tiểu DA Hưng Yên)
21	21-2016/CV-HĐQT/HALCOM	29/03/2017	Kết quả chuyển thăm hiện trường đợt 2 của HĐQT công ty HALCOM (Tiểu DA Đồng Đăng)
22	22-2016/CV-HĐQT/HALCOM	31/3/2017	Kết quả chuyển thăm hiện trường đợt 2 của HĐQT công ty HALCOM (Tiểu DA Việt Trì)

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần hiện nay có 3 thành viên độc lập là ông Trần Đình Khai – Phó Giáo sư ngành Cấp thoát nước, ông Nguyễn Văn Lâm – Trưởng phòng Thiết bị Công ty CP Cầu 3 Thăng Long, ông Đoàn Ngọc Hiếu – Kỹ sư Cầu đường là những người có nhiều kinh nghiệm trong việc lãnh đạo quản lý và điều hành các Công ty Cổ phần, có kiến thức sâu rộng và kinh nghiệm phong phú trong lĩnh vực cấp thoát nước, cầu đường. Các thành viên HĐQT độc lập đã đóng góp tích cực và xây dựng tầm nhìn chiến lược, quyết định chiến lược kế hoạch sản xuất hoạt động của Công ty.

2. Ban kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Số CMND	Năm sinh	Chức danh
1	Trần Thị Lan	013339595	07/08/1974	Trưởng BKS
2	Trần Bắc Mỹ	151523119	07/11/1985	Thành viên BKS
3	Nguyễn Quang Trọng	151398494	05/06/1981	Thành viên BKS

❖ **Trưởng Ban kiểm soát: Bà Trần Thị Lan**

Họ tên	TRẦN THỊ LAN
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	07/08/1974
Nơi sinh	Thái Bình
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Tổ 10, phường Láng Hạ, Q.Đống Đa, Hà Nội
CMND	013339595 cấp ngày 20/10/2010 tại Hà Nội
Điện thoại liên hệ	04 35624709

Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Chức vụ hiện nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Giám đốc Tài chính – Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Hà Nội Vàng
Quá trình công tác	
- 2009 đến nay	<i>Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long</i>
- 2011 đến nay	<i>Giám đốc Tài chính – Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Hà Nội Vàng</i>
- 2010 - 2011	<i>Kế toán trưởng – Công ty TNHH AKChemtech</i>
- 2004 - 2010	<i>Kế toán trưởng – Công ty CP Phát triển Hạ tầng Thăng Long</i>
- 1994 - 2004	<i>Kế toán trưởng – Công ty TNHH Xây dựng Tiến Bình</i>
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân	4.403 cổ phiếu, chiếm 0,01% vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Phụ cấp dành cho Trưởng BKS
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

❖ Bà Trần Bắc Mỹ - Thành viên Ban Kiểm soát

Họ tên	TRẦN BẮC MỸ
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	07/11/1985
Nơi sinh	Thái Bình
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Khu Thành Pháo 2, P.Phả Lại, TX.Chí Linh, Hải Dương
CMND	151523119 cấp ngày 16/5/2001 tại Thái Bình
Điện thoại liên hệ	04 35624709
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Xã hội học
Chức vụ hiện nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	
- 2009 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	Phụ cấp dành cho thành viên BKS

nhận được từ Công ty Lương và các chế độ dành cho nhân viên công ty
Lợi ích liên quan đối với Không
Công ty

❖ Ông Nguyễn Quang Trọng – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ tên	NGUYỄN QUANG TRỌNG
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	05/06/1981
Nơi sinh	Thái Bình
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Nhà B4, Khu tập thể Nam Thành Công, P.Láng Hạ, Hà Nội
CMND	151398494 cấp ngày 14/02/2011 tại Thái Bình
Điện thoại liên hệ	04 35624709
Trình độ chuyên môn	Kinh tế và Quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	
- 2014 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long
- 2009 - 2014	Trưởng phòng kinh doanh – Công ty TNHH Đầu tư thương mại Quỳnh Trang
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Số lượng cổ phiếu đang Không
nắm giữ của những người
liên quan

Các khoản nợ đối với Công ty Không
ty

Thù lao và lợi ích khác Phụ cấp dành cho thành viên BKS
nhận được từ Công ty Lương và các chế độ dành cho nhân viên công ty

Lợi ích liên quan đối với Công ty Không

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

Năm 2016, Ban kiểm soát đã tiến hành triển khai hoạt động theo đúng quyền hạn, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ công ty và luật Doanh nghiệp; chú trọng công tác kiểm tra, giám sát toàn diện các lĩnh vực hoạt động của công ty, đảm bảo mọi hoạt động của công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

Ban kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; triển khai kiểm tra, giám sát thường xuyên mọi mặt hoạt động của công ty; định kỳ tiến hành kiểm tra trực tiếp tại công ty. Cụ thể:

- Kiểm tra rà soát các văn bản pháp lý nội bộ đã ban hành đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật và tình hình phát triển của công ty.
- Kiểm tra các nghị quyết của Hội đồng quản trị đảm bảo tính phù hợp về thẩm quyền trong việc ra quyết định. Tham gia đóng góp ý kiến và vai trò kiểm soát toàn diện, nhận diện và kiểm soát những rủi ro tiềm ẩn trong nội bộ và ngoài công ty.
- Tham dự và đóng góp ý kiến tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, các cuộc họp đánh giá tình hình thực hiện và triển khai hoạt động kinh doanh của công ty.
- Hàng quý thực hiện thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, báo cáo tình hình kinh doanh của Ban Giám đốc và thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo quản trị công ty; đảm bảo các báo cáo phản ánh trung thực tình hình hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính tại thời điểm báo cáo.
- Tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành; báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2016 và các tài liệu trước khi trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua.

- Kiểm tra, giám sát các thủ tục, trình tự trong tổ chức ĐHĐCĐ; đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

a) Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm tài chính 2016

Theo ngân sách đã được phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016:

❖ Thù lao của các thành viên HĐQT như sau:

- Chủ tịch: 4.000.000 đồng/tháng
- Thành viên: 3.000.000 đồng/tháng

Tổng số tiền đã chi trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị là: 192.000.000 đồng.

❖ Thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát như sau:

- Trưởng Ban Kiểm soát: 1.000.000 đồng/tháng
- Thành viên: 500.000 đồng/tháng

Tổng số tiền đã chi trả thù lao cho các thành viên Ban Kiểm soát là: 30.000.000 đồng

Đây là mức thù lao khá thấp do áp dụng định mức từ hàng chục năm trước. Tuy vậy các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát vẫn nhiệt tình công tác, đóng góp cho sự phát triển chung của Công ty.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Trần Trung Phong	Con thành viên HĐQT	26.682	0,08	0	0	Bán cổ phiếu
2	Trần Thu thủy	Em trai thành viên HĐQT	490.000	1,55	26.249	0,083	Bán cổ phiếu

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ (Không)

4. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán (trang 52)

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (trang 48-91)

(Chi tiết quý cổ đông có thể xem báo cáo tài chính Công ty mẹ và báo cáo tài chính Công ty hợp nhất trên Website <http://www.halcom.vn>)

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT HCM
- Lưu BA, FA.

TỔNG GIÁM ĐỐC 

NGUYỄN QUANG HUÂN

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
TƯ VẤN HÀ LONG**

**Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017**

	Trang
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 41

QUA

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG
Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long trình bày báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long (dưới đây được gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Thăng Long (chuyển đổi từ Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng Thăng Long) được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0101143879 ngày 02 tháng 07 năm 2001 và được chuyển đổi thành công ty cổ phần từ ngày 02 tháng 07 năm 2007. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 05 tháng 08 năm 2015, tên công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là HID.

Trong năm tài chính 2016, hoạt động chính của Công ty là thương mại và cung cấp dịch vụ tư vấn.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017 được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017 của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của 01 Công ty con cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Quang Huân	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Trần Đình Khai	Ủy viên
Ông Phùng Ngọc Sơn	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Lâm	Ủy viên
Ông Đoàn Ngọc Hiếu	Ủy viên

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Trần Thị Lan	Trưởng ban kiểm soát
Ông Trần Bắc Mỹ	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Trọng	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Quang Huân	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 13/06/2016)
Ông Bùi Xuân Hồi	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 02/02/2017)

Người đại diện theo pháp luật

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Quang Huân	Tổng Giám đốc

044
CỘNG HÒA
KIỂM
C VI
- TP.

3. Trụ sở

Công ty mẹ có trụ sở tại: Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017, Công ty có 01 công ty con và 01 chi nhánh, chi tiết:

STT	Tên công ty	Địa chỉ
1	Chi nhánh miền Tây - Công ty CP Đầu tư và tư vấn Hà Long	272K đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
2	Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	Đông Côi, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh

4. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 03 tháng 04 năm 2017, Hội đồng quản trị đã ra quyết định giải tán Trung tâm Nước (HAL-Water) để thành lập công ty thành viên với tên gọi HALENCO để thực hiện tư vấn và thi công các dự án Nước và Môi trường từ tháng 4 năm 2017.

Theo Quyết định số 18-2016/QĐ-HĐQT/HALCOM ngày 15 tháng 3 năm 2017 của Chủ tịch Hội đồng quản trị, bà Bùi Thị Xuyên được bổ nhiệm làm kế toán trưởng Công ty từ ngày 03 tháng 04 năm 2017. Theo đó việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017 do bà Bùi Thị Xuyên chịu trách nhiệm thực hiện.

Ngoài ra, đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản

25-C
CY
UUH
AN
IAM
CHÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG
Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Ông NGUYỄN QUANG HUÂN

Tổng Giám đốc

TP. Hà Nội, ngày 05 tháng 05 năm 2017





Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



Accountants &
business advisers

Số: 183/2017/BCKTHN-HCM.00795

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long và Công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 05 tháng 05 năm 2017, từ trang 6 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 03 năm 2017, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 27 tháng 04 năm 2016.



TRANG ĐẮC NHA

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2013-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 05 năm 2017

TRẦN ĐÌNH DŨNG

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1788-2016-009-1

95
TY
HUU
AN
NAM
CH

M.S.A

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 03 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2017 VND	01/04/2016 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		82.950.109.346	153.640.161.575
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	6.109.912.291	2.578.084.743
Tiền	111		6.109.912.291	2.578.084.743
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		750.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2.1	750.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		65.793.099.174	137.079.704.081
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	26.606.447.303	33.465.894.829
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	28.081.653.573	91.026.521.982
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5.1	541.473.981	1.610.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	10.898.557.962	11.292.570.327
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(335.033.645)	(315.283.057)
Hàng tồn kho	140		8.842.477.882	8.074.222.627
Hàng tồn kho	141	5.8	8.842.477.882	8.074.222.627
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.454.619.999	5.908.150.124
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	487.002.522	829.928.133
Thuế GTGT được khấu trừ	152		967.319.877	5.078.221.991
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		377.602.864.927	278.448.512.843
Các khoản phải thu dài hạn	210		203.825.451.279	170.159.444.444
Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5.2	3.425.451.279	10.159.444.444
Phải thu dài hạn khác	216	5.6	200.400.000.000	160.000.000.000
Tài sản cố định	220		85.800.753.295	96.120.788.220
Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	85.800.753.295	89.280.884.770
Nguyên giá	222		94.893.813.959	94.893.813.959
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.093.060.664)	(5.612.929.189)
Tài sản cố định vô hình	227		-	6.839.903.450
Nguyên giá	228		-	7.398.478.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(558.574.550)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		321.993.172	1.824.047.223
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	321.993.172	1.824.047.223
Đầu tư tài chính dài hạn	250		87.267.611.014	9.969.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.2.2	13.539.418.630	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.2.3	73.728.192.384	9.969.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		387.056.167	375.232.956
Chi phí trả trước dài hạn	261		87.056.167	75.232.956
Tài sản dài hạn khác	268		300.000.000	300.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		460.552.974.273	432.088.674.418

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG
Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 03 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2017 VND	01/04/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		99.262.830.832	101.327.968.164
Nợ ngắn hạn	310		34.938.568.832	42.975.448.614
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	11.222.382.226	5.657.633.185
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	1.655.205.439	4.013.166.180
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	10.198.757.098	7.141.273.010
Phải trả người lao động	314		637.412.620	462.494.391
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	142.269.193	1.157.646.925
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16.1	5.050.232.785	566.452.912
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17.1	5.569.568.500	23.868.356.720
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		462.740.971	108.425.291
Nợ dài hạn	330		64.324.262.000	58.352.519.550
Phải trả dài hạn khác	337	5.16.2	52.976.419.500	55.741.408.550
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17.2	11.347.842.500	2.611.111.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		361.290.143.441	330.760.706.254
Vốn chủ sở hữu	410	5.18	361.290.143.441	330.760.706.254
Vốn góp của chủ sở hữu	411		316.066.210.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		316.066.210.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		636.587.297	636.587.297
Cổ phiếu quỹ	415		(214.627.244)	(51.798.297)
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.462.410.602	1.462.410.602
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		38.949.334.299	24.471.559.136
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		7.915.898.469	6.697.144.067
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		31.033.435.830	17.774.415.069
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		4.390.228.487	4.241.947.516
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		460.552.974.273	432.088.674.418



LÊ ANH TUẤN
Người lập biểu



BÙI THỊ XUYẾN
Kế toán trưởng



NGUYỄN QUANG HUÂN
Tổng Giám đốc
TP. Hà Nội, ngày 05 tháng 05 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		281.440.560.556	165.178.082.357
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	6.1	281.440.560.556	165.178.082.357
Giá vốn hàng bán	11	6.2	248.818.924.854	143.030.148.753
Lợi nhuận gộp	20		32.621.635.702	22.147.933.604
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	17.161.448.891	5.804.336.286
Chi phí tài chính	22	6.4	1.564.440.889	3.204.800.317
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		2.108.610.509	3.137.035.793
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết			1.139.418.630	
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	12.025.774.249	10.195.635.667
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		37.332.288.085	14.551.833.906
Thu nhập khác	31	6.6	2.564.877.951	9.043.425.560
Chi phí khác	32	6.7	937.667.522	180.421.536
Lợi nhuận khác	40		1.627.210.429	8.863.004.024
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		38.959.498.514	23.414.837.930
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.8	7.677.949.481	5.246.266.323
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		31.281.549.033	18.168.571.607
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		31.033.435.830	17.774.415.069
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		248.113.203	394.156.538
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	1.015	742



LÊ ANH TUẤN
Người lập biểu



BÙI THỊ XUYẾN
Kế toán trưởng



NGUYỄN QUANG HUÂN
Tổng Giám đốc

TP. Hà Nội, ngày 05 tháng 05 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

	Mã số	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>Lợi nhuận kế toán trước thuế</i>	01	38.959.498.514	23.414.837.930
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	3.480.131.475	3.547.890.097
Các khoản dự phòng	03	(609.302.490)	315.283.057
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	20.061.398
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(18.297.703.019)	(5.737.982.431)
Chi phí lãi vay	06	2.108.610.509	3.137.035.793
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	25.641.234.989	24.697.125.844
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	33.909.230.414	(116.955.651.786)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(768.255.255)	(5.498.308.941)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	18.131.273.434	27.460.762.126
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	331.102.400	(713.445.562)
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.433.024.768)	(2.532.344.141)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.414.964.533)	(3.511.794.887)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(313.268.110)	(310.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	69.083.328.571	(77.363.657.347)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(12.941.054.172)	(166.853.568.998)
Tiền thu bán thanh lý TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.800.000.000)	(14.769.444.444)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	9.936.139.402	3.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(134.918.270.384)	(9.114.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	67.759.078.000	642.111.202
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	16.974.662.851	5.578.537.987
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(55.989.444.303)	(181.516.364.253)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	245.519.490.297
Tiền thu từ đi vay	33	18.067.411.000	15.080.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	(27.629.467.720)	(12.550.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(9.562.056.720)	248.049.490.297
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	3.531.827.548	(10.830.531.303)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	2.578.084.743	13.428.677.444
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(20.061.398)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	6.109.912.291	2.578.084.743



LÊ ANH TUẤN
Người lập biểu



BÙI THỊ XUYẾN
Kế toán trưởng



NGUYỄN QUANG HUÂN
Tổng Giám đốc

TP. Hà Nội, ngày 05 tháng 05 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long (dưới đây được gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Thăng Long chuyển đổi từ Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng Thăng Long) được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0101143879 ngày 02 tháng 07 năm 2001 và được chuyển đổi thành công ty cổ phần từ ngày 02 tháng 07 năm 2007. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 05 tháng 08 năm 2015, tên công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long.

Vốn điều lệ của Công ty là: **316.066.210.000 đồng** (Bằng chữ: Ba trăm mười sáu tỷ, không trăm sáu mươi sáu triệu, hai trăm mười nghìn đồng). Tổng số cổ phần là 31.606.621 cổ phần và mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Danh sách cổ đông lớn của Công ty mẹ tại ngày 17/03/2017

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Nguyễn Quang Huân	4.651.591	14,72%
2	Phùng Ngọc Sơn	1.626.197	5,15%
3	Võ Thùy Dương	1.585.837	5,02%

Cổ phiếu của Công ty mẹ đã niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là HID.

Trụ sở chính của Công ty mẹ đặt tại: Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty mẹ là thương mại và cung cấp dịch vụ tư vấn.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty mẹ gồm:

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai;
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San nền đối với công trình xây dựng;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Buôn bán thiết bị cấp, thoát nước và thiết bị phục vụ môi trường;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Buôn bán bất động sản; Đầu tư phát triển các công trình cơ sở hạ tầng;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật liên quan;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ ngành nước và môi trường;

- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ chưa phân vào đầu. Chi tiết: - Khảo sát, điều tra xã hội học, lập kế hoạch đền bù tái định cư và đánh giá tác động môi trường các dự án; - Tư vấn chuyển giao công nghệ.

Trong năm tài chính, hoạt động chính của Công ty mẹ là thương mại và cung cấp dịch vụ tư vấn.

1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017, Công ty có 01 công ty con (01/04/2016: 02 công ty con):

- + Số lượng các Công ty được hợp nhất: 01 công ty
- + Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0 công ty

Danh sách các Công ty con được hợp nhất

- + Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành
Địa chỉ: Đông Côi, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 96,49%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 96,49%

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.7 Số lượng nhân viên

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2017, tổng số nhân viên của Công ty mẹ là 34 người (vào ngày 31 tháng 03 năm 2016 là 37 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn được bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm sau.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND").

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 31/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính riêng - Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty với các công ty con và giữa các công ty con trong cùng Công ty được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

b. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng hợp đồng, các khoản cho vay theo khế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Đối với các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản cho vay.

c. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

d. Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4.7 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.8 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý đều hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	30	30
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10	10
Thiết bị quản lý	3	3

4.9 Các khoản nợ phải trả

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- a. Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- b. Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:
 - Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;
 - Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;
 - Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải trả).

4.10 Các khoản vay

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

4.11 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

4.12 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong kỳ được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động.

4.13 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên tổng quỹ lương cơ bản vào chi phí là 18% và trích từ lương người lao động là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương cơ bản vào chi phí là 3% và trích từ lương người lao động là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương cơ bản vào chi phí là 1% và trích từ lương người lao động là 1%.

Ngoài ra, Công ty còn trích kinh phí Công đoàn 2% trên tổng quỹ lương đóng bảo hiểm xã hội.

4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

4.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông quyết định và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.16 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính trong năm là lãi tiền gửi, tiền cho vay và lãi từ hoạt động đầu tư tài chính.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

4.17 Giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

4.18 Chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

4.19 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

4.20 Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Hiện tại, các công ty trong tập đoàn đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

Các báo cáo thuế của Công ty mẹ và các công ty con sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông Công ty mẹ đang lưu hành trong kỳ.

4.22 Báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.23 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính - ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính bao gồm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm: tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ ký cược và các khoản đầu tư khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính bao gồm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn bao gồm: các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Tập đoàn có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4.24 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Các bên sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty / cá nhân	Quan hệ
Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát	Quản lý chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/03/2017 VND	01/04/2016 VND
Tiền mặt	1.856.461.334	172.457.349
Tiền gửi ngân hàng	4.253.450.957	2.405.627.394
	6.109.912.291	2.578.084.743

SOA
CÔ
CHN
KIẾ
FC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG
Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

5.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/03/2017		01/04/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<i>Ngắn hạn</i>				
Tiền gửi có kỳ hạn 4 tháng	750.000.000	750.000.000	-	-
	750.000.000	750.000.000	-	-

5.2.2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/03/2017		01/04/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty liên kết				
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng nước sạch Phú Minh	13.539.418.630	- (*)	-	- (*)
	13.539.418.630	-	-	-

Đây là khoản đầu tư vào Công ty liên kết của công ty con - Công ty Cổ phần nước Thuận Thành

Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng nước sạch Phú Minh	Tầng 4, tòa nhà Anh Minh, 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	20,67%	20,67%

(*) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty liên kết này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG
Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

5.2.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/03/2017		01/04/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	73.728.192.384	-	9.969.000.000	-
Công ty CP Đầu tư dầu khí Mê Kông	-	-	9.114.000.000	-
Công ty CP Chuyển giao công nghệ nước sạch Hồng Ngọc	8.511.800.000	-	-	-
Công ty CP Công nghệ nước sạch Khang Long	12.900.000.000	-	-	-
Công ty CP Công nghệ Nước sạch Đại Việt	10.692.400.000	-	-	-
Công ty Cổ Phần Công Nghệ HIPT Việt Nam	10.986.740.000	-	-	-
Công ty CP Đầu tư nước và Dầu Khí Mê Kông	11.000.000.000	-	-	-
Công ty CP Hạ tầng nước Minh Hoàng	6.982.252.384	-	-	-
Công ty CP Nước Sạch miền trung	11.800.000.000	-	-	-
Công ty CP An Lạc Sơn	855.000.000	-	855.000.000	-
	73.728.192.384	-	9.969.000.000	-

(*) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Tập đoàn tại ngày 31/03/2017 như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP Chuyển giao công nghệ nước sạch Hồng Ngọc	Tầng 7, tòa nhà 29 Huỳnh Thúc Kháng, P.Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP.Hà Nội	13,10%	13,10%
Công ty CP Công nghệ nước sạch Khang Long	Số 1, ngõ 1, Hoàng Ngọc Phách, P.Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP.Hà Nội	19,85%	19,85%
Công ty CP Công nghệ Nước sạch Đại Việt	Tầng 7, số 4, Nguyễn Chánh, P.Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP.Hà Nội	17,82%	17,82%
Công ty Cổ phần Công nghệ HIPT	Đội 1, xã Thượng Mỗ, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội	18,31%	18,31%
Công ty CP Đầu tư nước và Dầu Khí Mê Kông	Số 9-10/100 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	16,92%	16,92%
Công ty CP Hạ tầng nước Minh Hoàng	Số 3, ngách 76/7 phố An Dương, P.Yên Phụ, Q.Tây Hồ, TP. Hà Nội	14,55%	14,55%
Công ty CP Nước Sạch miền trung	Phòng 501 tầng 5, số 01, lô E1, khu đô thị Trung Yên, P.Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội	19,67%	19,67%
Công ty CP An Lạc Sơn	Km13, xã Hợp Châu, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc	19,00%	19,00%

5.3 Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	31/03/2017 VND	01/04/2016 VND
Công ty CP Đầu tư phát triển điện Bắc Bình	4.241.651	1.921.810.286
Công ty CP M.A.M Việt Nam	6.813.854.200	9.816.581.617
Công ty CP Thương mại và Tư vấn Tân Cơ	-	3.992.465.887
BQLDA thực hiện DA hợp phần phát triển toàn diện kinh tế xã hội đô thị Hưng Yên	2.158.138.848	762.359.083
BQL Đầu tư xây dựng công trình dân dụng tỉnh Lạng Sơn	3.046.668.206	1.369.158.042
BQLDA phát triển toàn diện KTXH TP. Việt Trì	3.467.148.473	1.327.835.019
Công ty CP XD và TM Du lịch Tuấn Thành Phát	-	9.334.416.001
Công ty TNHH XD và TM Xuân Minh Bảo	2.505.989.000	2.505.989.000
Các khách hàng khác	8.610.406.925	2.435.279.894
	26.606.447.303	33.465.894.829

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/03/2017 VND	01/04/2016 VND
Trả trước cho các tổ chức và cá nhân khác	28.081.653.573	91.026.521.982
Công ty CP Đầu tư dầu khí Mê Kông	-	2.300.600.000
Công ty CP ĐT XD công nghệ mới Thuận Thành	-	8.600.000.000
Công ty CP Đầu tư EU Việt Nam	-	19.300.000.000
Công ty CP Đầu tư XD và thương mại Gia Đông	-	8.600.000.000
Công ty CP Đầu tư Me Kong Việt Nam	-	19.800.000.000
Công ty CP Hạ tầng THPT Việt Nam	-	13.200.000.000
Công ty TNHH Cơ Khí và XD Tân Thành An	17.805.193.582	16.728.664.582
Công ty CP TV, ĐT XD công trình QTC Việt Nam	8.542.532.000	-
Các tổ chức, cá nhân khác	1.733.927.991	1.997.257.400
	28.081.653.573	91.026.521.982

5.5 Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn, dài hạn

5.5.1 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/03/2017 VND	01/04/2016 VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	541.473.981	1.610.000.000
Chương trình nước và vệ sinh cho các thị trấn Việt Nam, giai đoạn bền vững (i)	541.473.981	1.610.000.000
	541.473.981	1.610.000.000

- (i) Là khoản cho Ban Chương trình nước và vệ sinh cho các thị trấn ở Việt Nam vay, với mục đích sử dụng là thực hiện phần hoàn trả của dự án, lãi suất 0%/năm. Trả nợ khi thực hiện xong dự án.

5.5.2 Phải thu về cho vay dài hạn

	31/03/2017 VND	01/04/2016 VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		
Công ty CP Hạ tầng THTD Việt Nam (i)	3.425.451.279	10.159.444.444
	3.425.451.279	10.159.444.444

- (i) Theo hợp đồng số 04/HDUTDT ngày 15 tháng 6 năm 2015, Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Hà Long cho Công ty CP Hạ tầng THTD Việt Nam vay số tiền 10 tỷ đồng với lãi suất cố định là 2%/năm, thời hạn vay là 3 năm. Lãi tiền vay được thanh toán một lần khi kết thúc thời hạn vay.

5.6 Các khoản phải thu khác

	31/03/2017		01/04/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a. Ngắn hạn	10.898.557.962	-	11.292.570.327	-
Tạm ứng	622.938.596	-	1.981.614.886	-
Ký quỹ, ký cược	661.568.613	-	1.741.913.900	-
Phải thu khác	9.614.050.753	-	7.569.041.541	-
- Thuế GTGT đầu vào chưa có HĐ	-	-	1.590.688.656	-
- Công ty CP Thương mại dịch vụ và đầu tư Phú Hòa (i)	1.000.000.000	-	5.000.000.000	-
- Nguyễn Đức quyết (ii)	5.700.000.000	-	-	-
- Công ty CP Hòa Long	1.010.026.500	-	-	-
- Phải thu khác	1.904.024.253	-	978.352.885	-
b. Dài hạn	200.400.000.000	-	160.000.000.000	-
Công ty CP Nước Hưng Long (iii)	100.000.000.000	-	100.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư TPP Việt Nam (iv)	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Capital Hà Nội (v)	40.400.000.000	-	-	-
	211.298.557.962	-	171.292.570.327	-

- (i) Là khoản phải thu về tiền phạt vi phạm hợp đồng số 18/2010/HĐCNCT ngày 26 tháng 06 năm 2010 của Công ty CP Thương mại dịch vụ và Đầu tư Phú Hòa. Do Công ty CP Thương mại dịch vụ và Đầu tư Phú Hòa không hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng tiến độ để bàn giao cho Công ty cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long.

- (ii) Là khoản tạm ứng để thực hiện mua cổ phần của Công ty Cổ phần Phong Điện Miền trung

- (iii) Là khoản tiền hợp tác kinh doanh với Công ty CP Nước Hưng Long theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 05/2015/HĐKT ngày 10 tháng 07 năm 2015 về việc đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà máy cung cấp nước sạch tại thị trấn Lương Bằng, và khu vực lân cận huyện Kim Động tỉnh Hưng Yên. Thời gian hợp tác là 05 năm.

- (iv) Là khoản tiền Hợp tác đầu tư “Chuẩn bị đầu tư các dự án giao thông và xử lý nước thải theo hình thức PPP tại thành phố Cần Thơ”, giữa liên danh gồm Công ty Quản lý xây dựng và công nghệ thông tin (CMIT – Hàn Quốc) và Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Hà Long (Bên A) với Công ty CP Đầu tư TPP Việt Nam (Bên B). Hai bên thống nhất hình thành liên danh thực hiện hoạt động nghiên cứu tiền khả thi, nghiên cứu khả thi lập dự án đầu tư, đưa ra đề xuất đầu tư các dự án giao thông và xử lý nước thải tại thành phố Cần Thơ. Thời gian hợp tác là 03 năm.
- (v) Là khoản tiền Hợp tác kinh doanh dự án “Xây dựng trung tâm dịch vụ chăm sóc sức khỏe người lao động tại Tân Long, xã Hồ Sơn, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc”, giữa Công ty CP Nước Thuận Thành và Công ty Cổ phần Đầu tư Green Capital Hà Nội. Thời gian hợp tác là 10 năm.

5.7 Nợ xấu

	Thời gian quá hạn VND	31/03/2017		Thời gian quá hạn VND	01/04/2016	
		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Ban QLDA Cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường TP. Hải Phòng	> 2 năm	185.326.239	55.597.872	> 1 năm	185.326.239	92.663.119
Ban QLDA Đầu tư xây dựng khu tái định cư Gia Minh Công ty Điện lực Hà Nam	> 2 năm	129.800.000	38.940.000	> 1 năm	129.800.000	64.900.000
Ban QLDA Lưới điện	> 3 năm	-	-	> 3 năm	80.000.000	32.000.000
BanQLDA Năng lượng NT II Thanh Hóa	> 2 năm	48.361.364	12.090.341	> 1 năm	63.091.364	31.545.682
BanQLDA Nâng cấp đô thị Hải Phòng	> 3 năm	45.000.000	-	> 3 năm	45.000.000	-
BanQLDA Năng lượng NT II Phú Thọ	> 3 năm	14.667.000	-	> 3 năm	14.667.000	-
Điện lực Vĩnh Phúc – Công ty Điện lực 1	> 3 năm	14.603.000	-	> 3 năm	14.603.000	-
	> 3 năm	3.904.255	-	> 3 năm	3.904.255	-
		441.661.858	106.628.213		536.391.858	221.108.801

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn VND	Nợ phải thu, cho vay dài hạn VND	Cộng VND
Tại ngày 01/04/2016	(315.283.057)	-	(315.283.057)
Trích lập dự phòng bổ sung	(19.750.588)	-	(19.750.588)
Tại ngày 31/03/2017	(335.033.645)	-	(335.033.645)

5.8 Hàng tồn kho

	31/03/2017		01/04/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí SXKD dở dang	8.842.477.882	-	8.074.222.627	-
	8.842.477.882	-	8.074.222.627	-

5.9 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/03/2017 VND	01/04/2016 VND
Chi phí công cụ dụng cụ	487.002.522	829.928.133
	487.002.522	829.928.133

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Vào ngày 01/04/2016	92.093.762.998	2.756.093.818	43.957.143	94.893.813.959
Tăng trong năm	-	-	-	-
Vào ngày 31/03/2017	92.093.762.998	2.756.093.818	43.957.143	94.893.813.959
Giá trị hao mòn lũy kế				
Vào ngày 01/04/2016	3.752.134.583	1.816.837.463	43.957.143	5.612.929.189
Khấu hao trong năm	3.069.792.095	410.339.380	-	3.480.131.475
Vào ngày 31/03/2017	6.821.926.678	2.227.176.843	43.957.143	9.093.060.664
Giá trị còn lại				
Vào ngày 01/04/2016	88.341.628.415	939.256.355	-	89.280.884.770
Vào ngày 31/03/2017	85.271.836.320	528.916.975	-	85.800.753.295

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/03/2017 VND	01/04/2016 VND
Công trình xây dựng nhà máy gạch ngói tại Lương Sơn, Hòa Bình	-	1.824.047.223
Hệ thống cấp nước	321.993.172	-
	321.993.172	1.824.047.223

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/03/2017		01/04/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	11.222.382.226	11.222.382.226	5.657.633.185	5.657.633.185
Công ty CP Đầu tư dầu khí Mê Kông	620.000.000	620.000.000	-	-
Công ty CP Đầu tư và Kỹ thuật quốc tế ITIC	-	-	3.089.342.318	3.089.342.318
Công ty CP TV Đầu tư và XD Hương Giang	-	-	1.684.842.261	1.684.842.261
Công ty CP Cơ khí và Công nghiệp Ánh Dương	5.845.037.947	5.845.037.947	-	-
Công ty cổ phần An Đạt	4.335.506.306	4.335.506.306	-	-
Các nhà cung cấp khác khác	421.837.973	421.837.973	883.448.606	883.448.606
	11.222.382.226	11.222.382.226	5.657.633.185	5.657.633.185

5.13	Người mua trả tiền trước	31/03/2017 VND	01/04/2016 VND
	Các tổ chức và cá nhân khác		
	BQL DA Đầu tư XD các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị	827.879.000	827.879.000
	Tổng công ty Phát triển đường cao tốc Việt Nam - Công ty TNHH MTV	145.386.203	467.686.125
	Ban quản lý tiểu dự án phát triển đô thị Vinh	197.379.000	394.801.000
	Công ty TNHH Một thành Viên Nước Sạch Hà Nội	433.000.000	-
	Công ty CP Đầu tư Nước và Dầu Khí Me Kong Việt Nam	-	2.300.600.000
	Các khách hàng khác	51.561.236	22.200.055
		1.655.205.439	4.013.166.180

5.14 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/04/2016		Số phát sinh trong năm		31/03/2017	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT	3.058.550.602	-	10.324.439.035	9.611.156.676	3.771.832.961	-
Thuế TNCN	262.666.741	-	851.814.992	827.116.424	287.365.309	-
Thuế TNDN	3.820.055.667	-	7.734.467.694	5.414.964.533	6.139.558.828	-
Thuế tài nguyên	-	-	41.248.365	41.248.365	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	1.518.000	1.518.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	154.968.252	154.968.252	-	-
Cộng	7.141.273.010	-	19.108.456.338	16.050.972.250	10.198.757.098	-

5.15	Chi phí phải trả ngắn hạn	31/03/2017 VND	01/04/2016 VND
	Trích trước chi phí dự án Lào Cai	-	552.955.273
	Trích trước chi phí lãi vay	142.269.193	466.683.452
	Chi phí kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành - của Cty TNHH Kiểm toán Đông Á - Công trình Gia Đông	-	138.008.200
		142.269.193	1.157.646.925

5.16 Các khoản phải trả, phải nộp khác
5.16.1 Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn

		31/03/2017 VND	01/04/2016 VND
	Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	5.050.232.785	566.452.912
	Kinh phí công đoàn	86.157.406	70.024.111
	Bảo hiểm xã hội	79.061.247	-
	Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.885.014.132	496.428.801
	- Sở tài chính tỉnh Bắc Ninh	4.027.185.500	-
	- Phải trả, phải nộp khác	857.828.632	496.428.801
		5.050.232.785	566.452.912

5.16.2 Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn

	31/03/2017 VND	01/04/2016 VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	52.976.419.500	55.741.408.550
Sở tài chính tỉnh Bắc Ninh (i)	52.916.745.500	55.407.231.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	59.674.000	334.177.550
	52.976.419.500	55.741.408.550

- (i) Theo văn bản số 894/UBND-KTTH ngày 16 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh, Công ty được hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước 45% tổng dự toán của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đồng thời hỗ trợ lãi suất vay ngân hàng cho phần vốn đầu tư của doanh nghiệp (55% tổng dự toán của dự án được phê duyệt) trong thời gian 5 năm kể từ ngày khởi công đối với dự án thị trấn Hồ theo quyết định số 890/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh ngày 26 tháng 07 năm 2011 và hỗ trợ 100% tổng dự toán dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với dự án xã Gia Đông theo quyết định 477/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bắc Ninh ngày 26 tháng 5 năm 2014. Nguồn vốn này sẽ được thu hồi dần theo tỷ lệ khấu hao tài sản cố định quy định tại Quyết định 138/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bắc Ninh ngày 07 tháng 05 năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG
Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

5.17 Vay và nợ thuế tài chính

5.17.1 Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	31/03/2017		01/04/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Vay cá nhân	2.400.000.000	2.400.000.000	3.880.000.000	3.880.000.000
Nguyễn Minh Tuấn	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Ngô Thị Phương Quế (i)	2.400.000.000	2.400.000.000	500.000.000	500.000.000
Nguyễn Thị Thương	-	-	1.380.000.000	1.380.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	3.169.568.500	1.300.000.000	19.988.356.720	19.988.356.720
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh Ba Đình	1.869.568.500	-	19.099.467.720	19.099.467.720
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Ninh	1.300.000.000	1.300.000.000	888.889.000	888.889.000
Cộng	5.569.568.500	5.569.568.500	23.868.356.720	23.868.356.720

(i) Khoản vay cá nhân Bà Ngô Thị Phương Quế được ghi nhận theo từng hợp đồng vay với lãi suất 10%/năm, thời hạn vay dưới 03 tháng, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG
Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

5.17.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/03/2017		Tăng trong năm Giảm trong năm		01/04/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	VND	VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
	VND	VND			VND	VND
Vay ngân hàng, tổ chức kinh tế	2.000.000.000	2.000.000.000	-	611.111.000	2.611.111.000	2.611.111.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Ninh (i)	2.000.000.000	2.000.000.000	-	611.111.000	2.611.111.000	2.611.111.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	9.347.842.500	9.347.842.500	11.217.411.000	-	-	-
Cộng	11.347.842.500	11.347.842.500	11.217.411.000	2.480.679.500	2.611.111.000	2.611.111.000

- (i)

Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Ninh theo hợp đồng số 002/14/ĐTDA/BN ngày 16 tháng 01 năm 2014 với tổng số tiền vay là 10 tỷ đồng, thời hạn cho vay là 60 tháng, thời hạn rút vốn từ ngày rút vốn đầu tiên. Lãi suất áp dụng theo quy định của ngân hàng, điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi quá hạn bằng 140% lãi suất trong hạn, trả lãi hàng tháng. Tiền vay để đầu tư xây dựng dự án “Hệ thống cấp nước sạch thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh”. Tài sản đảm bảo là hợp đồng bảo lãnh của Quỹ bảo lãnh tín dụng tỉnh Bắc Ninh và tài sản hình thành trong tương lai của dự án và/ hoặc tài sản bảo lãnh của Bên thứ ba. Công ty đã giải ngân số tiền 4 tỷ đồng theo Giấy nhận nợ ngày 23 tháng 01 năm 2014.
- (ii)

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình theo hợp đồng số 116/2016-HDDTDDDA/NHCT124-THUANTHANH ngày 05/12/2016 với tổng số tiền vay là 11.217.411.000 VNĐ, thời hạn cho vay 60 tháng. Lãi suất cho vay 10% và trả lãi hàng tháng. Tiền vay để đầu tư xây dựng dự án “ Hệ thống mạng đường ống cấp nước tập trung cụm xã Nguyệt Đức, Ngũ Thái, Song Liễu huyện Thuận Thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG
 Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

5.18 **Vốn chủ sở hữu (“CSH”)**
 5.18.1 **Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Số dư 01/04/2015	54.550.000.000	567.097.000	(832.308.000)	1.462.410.602	7.006.481.741	3.848.453.304	66.602.134.647
Tăng vốn trong năm	245.450.000.000	69.490.297	-	-	-	-	245.519.490.297
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	17.774.415.069	394.156.538	18.168.571.607
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(310.000.000)	(662.326)	(310.000.000)
Thay đổi lợi ích các bên do thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty	-	-	-	-	-	-	-
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	780.509.703	-	-	-	780.509.703
Số dư 31/03/2016	300.000.000.000	636.587.297	(51.798.297)	1.462.410.602	24.471.559.136	4.241.947.516	330.760.706.254
Số dư 01/04/2016	300.000.000.000	636.587.297	(51.798.297)	1.462.410.602	24.471.559.136	4.241.947.516	330.760.706.254
Tăng vốn trong năm	16.066.210.000	-	-	-	-	-	16.066.210.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	31.033.435.830	248.113.203	31.281.549.033
Tăng khác	-	-	(162.828.947)	-	-	-	(162.828.947)
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	(16.469.883.790)	-	(16.469.883.790)
Giảm khác	-	-	-	-	(85.776.877)	(99.832.232)	(185.609.109)
Số dư 31/03/2017	316.066.210.000	636.587.297	(214.627.244)	1.462.410.602	38.949.334.299	4.390.228.487	361.290.143.441

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01-2016/NQ-ĐHCD/HALCOM ngày 17 tháng 07 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ chi trả cổ tức 5% và trích quỹ khen thưởng, phúc lợi là 2%.

5.18.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Chi tiết cổ đông góp vốn như sau:

Cổ đông	17/03/2017	
	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %
Ông Nguyễn Quang Huân	46.515.910.000	14,71%
Ông Phùng Ngọc Sơn	16.261.970.000	5,15%
Bà Võ Thùy Dương	15.858.370.000	5,02%
Cổ đông khác	237.373.550.000	75,10%
Cổ phiếu quỹ	56.410.000	0,02%
	316.066.210.000	100%

5.18.3 Cổ Phiếu

	31/03/2017	01/04/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	31.606.621	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	31.606.621	30.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	31.606.621	30.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	5.641	5.641
- Cổ phiếu phổ thông	5.641	5.641
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.600.980	29.994.359
- Cổ phiếu phổ thông	31.600.980	29.994.359
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu.

5.18.4 Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: 0
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: 0
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: 0
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: 0

5.18.5 Các quỹ của doanh nghiệp

	31/03/2017 VND	01/04/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.462.410.602	1.462.410.602
	1.462.410.602	1.462.410.602

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng hóa	258.770.186.545	134.986.522.647
Doanh thu cung cấp dịch vụ	19.469.683.054	27.350.073.909
Doanh thu bán nước sinh hoạt	3.200.690.957	2.841.485.801
Doanh thu thuần	281.440.560.556	165.178.082.357

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn bán hàng hóa	232.528.902.323	124.143.539.283
Giá vốn cung cấp dịch vụ	11.701.650.880	14.233.913.513
Giá vốn bán nước sinh hoạt	4.588.371.651	4.652.695.957
	248.818.924.854	143.030.148.753

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	219.781.989	178.537.987
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu	-	5.000.000.000
Lãi từ hoạt động đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	16.938.502.400	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.164.502	66.353.855
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	159.444.444
	17.161.448.891	5.804.336.286

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền vay	2.108.610.509	3.137.035.793
Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư	(629.053.078)	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	84.883.458	67.764.524
	1.564.440.889	3.204.800.317

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.819.758.381	4.770.167.359
Chi phí văn phòng	963.051.276	459.482.036
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.242.964.592	4.965.986.272
	12.025.774.249	10.195.635.667

6.6 Thu nhập khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền bồi thường từ vi phạm hợp đồng	-	5.000.000.000
Thu nhập khác	15.877.951	4.043.425.560
Tiền hỗ trợ lãi suất từ ngân sách Nhà Nước	2.549.000.000	-
	2.564.877.951	9.043.425.560

6.7 Chi phí khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền truy thu phạt thuế	220.000.000	-
Ủng hộ nhà ở cho các hộ nghèo	270.000.000	-
Chi phí các dự án đã kết thúc	180.603.244	-
Chi phí nộp phạt	261.442.851	45.000.000
Chi phí khác	5.621.427	135.421.536
	937.667.522	180.421.536

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	7.677.949.481	5.246.266.323
Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.677.949.481	5.246.266.323

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	VND 31.033.435.830	17.774.415.069
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ	VND -	(310.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND 31.033.435.830	17.464.415.069
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ đang lưu hành bình quân trong năm	CP 30.587.916	23.948.743
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND/CP 1.015	742

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	171.910.069.774	124.143.539.283
Chi phí nhân công	13.606.346.546	19.001.343.258
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.480.131.475	3.547.890.097
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.760.416.844	4.955.388.359
Chi phí khác	3.227.845.948	1.577.623.423
	200.984.810.587	153.225.784.420

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền lương, thưởng Ban Tổng Giám đốc	1.460.668.875	1.528.122.727

7.2 Báo cáo bộ phận

7.2.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tập đoàn được chia thành các bộ phận hoạt động:

- Bộ phận cung cấp nước sinh hoạt
- Bộ phận bán vật tư
- Bộ phận cung cấp các dịch vụ

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tập đoàn như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG
Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017:

Chi tiêu	Hoạt động thương mại VND	Hoạt động cung cấp nước sạch VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	258.770.186.545	3.200.690.957	19.469.683.054	-	281.440.560.556
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	1.036.363.636	(1.036.363.636)	-
Tổng doanh thu	258.770.186.545	3.200.690.957	20.506.046.690	(1.036.363.636)	281.440.560.556
Kết quả bộ phận					
Kết quả kinh doanh bộ phận	26.241.284.222	(1.387.680.694)	7.768.032.174		32.621.635.702
Chi phí không phân bổ					12.025.774.249
Doanh thu hoạt động tài chính					17.161.448.891
Chi phí hoạt động tài chính					1.564.440.889
Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết					1.139.418.630
Thu nhập khác					2.564.877.951
Chi phí khác					937.667.522
Lợi nhuận trước thuế					38.959.498.514
Chi phí thuế TNDN					7.677.949.481
Tổng lợi nhuận sau thuế					31.281.549.033
Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 như sau:					
Tài sản bộ phận	6.813.854.200	167.605.629.429	9.797.744.457		184.217.228.086
Tài sản không phân bổ					276.335.746.187
Tổng tài sản					460.552.974.273
Nợ phải trả bộ phận	27.445.716.246	66.860.206.087	2.426.328.262		96.732.250.595
Nợ phải trả không phân bổ					2.530.580.237
Tổng nợ phải trả					99.262.830.832

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG
Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016:

Chi tiêu	Hoạt động thương mại VND	Hoạt động cung cấp nước sạch VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	134.986.522.647	2.841.485.801	27.350.073.909	-	165.178.082.357
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu	134.986.522.647	2.841.485.801	27.350.073.909	-	165.178.082.357
Kết quả bộ phận					
Kết quả kinh doanh bộ phận	10.842.983.364	(1.811.210.156)	13.116.160.396		22.147.933.604
Chi phí không phân bổ					10.195.635.667
Doanh thu hoạt động tài chính					5.804.336.286
Chi phí hoạt động tài chính					3.204.800.317
Thu nhập khác					9.043.425.560
Chi phí khác					180.421.536
Lợi nhuận trước thuế					23.414.837.930
Chi phí thuế TNDN					5.246.266.323
Chi phí thuế TNDN hoãn lại					-
Tổng lợi nhuận sau thuế					18.168.571.607
 Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 01 tháng 04 năm 2016 như sau:					
 Tài sản bộ phận	15.730.857.790	177.611.883.162	22.210.908.716		215.553.649.668
Tài sản không phân bổ	-	-	-		216.535.024.750
Tổng tài sản					432.088.674.418
 Nợ phải trả bộ phận	3.875.333.805	82.764.647.842	-		86.639.981.647
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-		14.687.986.517
Tổng nợ phải trả					101.327.968.164

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG
Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

7.2.2 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý

Tập đoàn hoạt động tại Hà Nội, Bắc Ninh, Cần Thơ, Hòa Bình. Bộ phận kinh doanh nước sạch được thực hiện tại tỉnh Bắc Ninh, hoạt động bán vật tư được thực hiện tại Hà Nội và hoạt động tư vấn được thực hiện tại thành phố Hà Nội và Bắc Ninh.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017.

Chi tiêu	Thành phố Hà Nội VND	Tỉnh Bắc Ninh VND	Tỉnh Hòa Bình VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	209.389.913.794	73.087.010.398	-	281.440.560.556
Tài sản bộ phận	241.208.803.665	219.344.170.608	-	460.552.974.273
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ (theo vị trí của tài sản)	-	-	-	-

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016.

Chi tiêu	Thành phố Hà Nội VND	Tỉnh Bắc Ninh VND	Tỉnh Hòa Bình VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	144.282.547.142	20.895.535.215	-	165.178.082.357
Tài sản bộ phận	288.978.569.464	142.731.242.032	378.862.922	432.088.674.418
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ (theo vị trí của tài sản)	-	6.853.568.998	-	-

7.3 Công cụ tài chính

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tập đoàn đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Các rủi ro tài chính của Tập đoàn bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý các rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác. Tập đoàn chịu rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro về giá hàng hóa

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng và mức tồn kho một cách hợp lý.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tập đoàn tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tập đoàn theo chính sách của Tập đoàn. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với nợ phải trả tài chính và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận trên cơ sở dòng tiền chưa được chiết khấu theo ngày sớm nhất mà Tập đoàn phải trả:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Ngày 31 tháng 03 năm 2017				
Phải trả người bán	11.222.382.226	-	-	11.222.382.226
Chi phí phải trả	142.269.193	-	-	142.269.193
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.885.014.132	52.976.419.500	-	57.861.433.632
Vay và nợ thuê tài chính	5.569.568.500	11.347.842.500	-	16.917.411.000
	21.819.234.051	64.324.262.000	-	86.143.496.051
Ngày 01 tháng 04 năm 2016				
Phải trả người bán	5.657.633.185	-	-	5.657.633.185
Chi phí phải trả	1.157.646.925	-	-	1.157.646.925
Các khoản phải trả, phải nộp khác	496.428.801	55.741.408.550	-	56.237.837.351
Vay và nợ thuê tài chính	2.500.000.000	2.611.111.000	-	5.111.111.000
	9.811.708.911	58.352.519.550	-	68.164.228.461

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Ngày 31 tháng 03 năm 2017				
Tiền và tương đương tiền	6.109.912.291	-	-	6.109.912.291
Phải thu khách hàng	26.606.447.303	-	-	26.606.447.303
Các khoản phải thu khác	10.817.390.947	203.825.451.279	-	214.642.842.226
Đầu tư khác	750.000.000	73.728.192.384	-	74.478.192.384
	44.283.750.541	277.553.643.663	-	321.837.394.204
Ngày 01 tháng 04 năm 2016				
Tiền và tương đương tiền	2.578.084.743	-	-	2.578.084.743
Phải thu khách hàng	33.465.894.829	-	-	33.465.894.829
Các khoản phải thu khác	12.757.354.000	170.159.444.444	-	182.916.798.444
Đầu tư khác	-	9.969.000.000	-	9.969.000.000
	29.369.726.050	180.128.444.444	-	228.929.778.016

Tài sản đảm bảo

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2017, Tập đoàn không thế chấp, cầm cố tài sản tại một bên khác; và Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác.

Giá trị hợp lý

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Tập đoàn:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/03/2017 VND	01/04/2016 VND	31/03/2017 VND	01/04/2016 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	6.109.912.291	2.578.084.743	6.109.912.291	2.578.084.743
Phải thu khách hàng	26.606.447.303	33.465.894.829	26.271.413.658	33.150.611.772
Các khoản phải thu khác	214.644.826.261	180.935.183.558	214.644.826.261	182.916.798.444
Đầu tư khác	74.478.192.384	9.969.000.000	74.478.192.384	9.969.000.000
	321.837.394.204	226.948.163.130	321.502.360.559	228.929.778.016
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	11.222.382.226	5.657.633.185	11.222.382.226	5.657.633.185
Chi phí phải trả	142.269.193	1.157.646.925	142.269.193	1.157.646.925
Các khoản phải trả, phải nộp khác	57.861.433.632	56.237.837.351	57.861.433.632	56.237.837.351
Vay và nợ thuê tài chính	16.917.411.000	5.111.111.000	16.917.411.000	5.111.111.000
	86.143.496.051	68.164.228.461	86.143.496.051	68.164.228.461

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tập đoàn chưa đánh giá lại các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Vào ngày 01 tháng 04 năm 2016 và ngày 30 tháng 9 năm 2016, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương ứng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này. Ban Tổng Giám đốc cho rằng giá trị hợp lý của những tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

8. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính quốc tế.

Ngoài ra, Công ty thực hiện phân loại lại số dư tại ngày 01 tháng 04 năm 2016 của một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh đúng bản chất nghiệp vụ và có thể so sánh, chi tiết như sau:

Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	Thuyết minh	Số liệu tại ngày 01/04/2016 trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	Số liệu thay đổi tăng giảm	Số liệu tại ngày 01/04/2016 trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày lại
Chi phí sản xuất theo yếu tố	6.10			
Chi phí nguyên liệu, vật liệu		-	124.143.539.283	124.143.539.283
Chi phí dịch vụ mua ngoài		129.098.927.642	(124.143.539.283)	4.955.388.359

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty mẹ, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ bằng hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức 2015 cho cổ đông hiện hữu. Công ty mẹ đã hoàn thành thủ tục phát hành cổ phiếu và thay đổi đăng ký kinh doanh tăng vốn điều lệ của Công ty vào ngày 18 tháng 11 năm 2016. Số vốn điều lệ của Công ty mẹ tăng thêm 16.066.210.000 VND.

Ngày 03/04/2017, Hội đồng quản trị đã ra quyết định giải tán Trung tâm Nước (HAL-Water) để thành lập công ty thành viên với tên gọi HALENCO để thực hiện tư vấn và thi công các dự án Nước và Môi trường từ tháng 4 năm 2017.

Theo Quyết định số 18-2016/QĐ-HĐQT/HALCOM ngày 15 tháng 3 năm 2017 của Chủ tịch Hội đồng quản trị, bà Bùi Thị Xuyên được bổ nhiệm làm kế toán trưởng Công ty từ ngày 03 tháng 04 năm 2017. Do đó việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017 do bà Bùi Thị Xuyên chịu trách nhiệm thực hiện.

Ngoài ra, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Kyle

BÙI THÌ XUYẾN
Kế toán trưởng

thức năm là chính yếu

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN
HÀ LONG**

M.S.D.N: 0101123879 - C.T.C.P
Đ. ĐỒNG ĐÀ - T. PHẠM LỘ

TP. Hà Nội, ngày 05 tháng 05 năm 2017